

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2021
(Báo cáo phục vụ kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa XIII)

Thực hiện Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua các báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị qua giám sát của HĐND tỉnh; trên cơ sở kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện những nội dung theo kiến nghị cử tri của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2021 như sau:

Trong năm 2021, sau khi tổ chức tiếp xúc cử tri sau các kỳ họp thứ 13 và 14, HĐND tỉnh khóa XII; trước và sau kỳ họp thứ 3, trước kỳ họp thứ 4, HĐND tỉnh khóa XIII; UBND tỉnh đã nhận 412 ý kiến, kiến nghị cử tri trong tỉnh về các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng. Hầu hết các ý kiến, kiến nghị nêu đều là những vấn đề rất thiết thực, liên quan trực tiếp đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đời sống, việc làm của các tầng lớp nhân dân và công tác an ninh - trật tự tại các địa phương.

UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương liên quan giải quyết, trả lời 412 ý kiến, kiến nghị của cử tri (trong đó, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn 89/89 kiến nghị; công thương, điện lực 20/20 kiến nghị; khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp 07/07 kiến nghị; quy hoạch, xây dựng, cấp thoát nước 21/21 kiến nghị; tài chính, thuế, kế hoạch và đầu tư 18/18 kiến nghị; tài nguyên và môi trường, giải phóng mặt bằng 55/55 kiến nghị; giao thông vận tải 84/84 kiến nghị; phát thanh - truyền hình và bưu chính viễn thông 03/03 kiến nghị; lĩnh vực y tế, chính sách BHYT 20/20 kiến nghị; văn hóa, thể thao và du lịch 06/06 kiến nghị; ngân hàng 07/07 kiến nghị; giáo dục và đào tạo 08/08 kiến nghị; xây dựng chính quyền 34/34 kiến nghị; lao động - thương binh và xã hội 26/26 kiến nghị; quốc phòng - an ninh 13/13 kiến nghị). UBND tỉnh đã giải quyết, trả lời dứt điểm 231 kiến nghị; chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tiếp tục kiểm tra, đề xuất 75 kiến nghị của cử tri liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, bồi thường, giải phóng mặt bằng... có nhu cầu vốn rất lớn trong khi khả năng cân đối của ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, cần phải có thời gian và lộ trình để giải quyết theo thứ tự ưu tiên, nhất là đối với các công trình có tính cấp bách ở địa phương; đồng thời, đã chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, trả lời theo thẩm quyền đối với 71 nội dung và kiến nghị các cơ quan Trung ương xem xét 35 nội dung không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.

Kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2021, UBND tỉnh đã có các Báo cáo số 61/BC-UBND ngày 14/5/2021; số 89/BC-UBND ngày 18/6/2021; số 138/BC-UBND ngày 10/8/2021; số 172/BC-UBND ngày 12/10/2021 và số 213/BC-UBND ngày 10/12/2021 báo cáo HĐND tỉnh.

Tại kỳ họp này, UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo một số kết quả nổi bật về việc giải quyết, trả lời các nội dung chủ yếu được cử tri và Nhân dân các địa phương quan tâm và có nhiều ý kiến, kiến nghị trong năm 2021.

(Chi tiết theo Phụ lục chi tiết đính kèm)

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2021, UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÁC Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ
CỦA CỬ TRI TRONG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số _____ /BC-UBND ngày ____ / ____ /2022 của UBND tỉnh)

I. VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Báo cáo kết quả đầu tư xây dựng, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi (hồ chứa, đập dâng, đê, kè...) trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay. Các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

1.1 Kết quả thực hiện.

Từ năm 2021 đến nay, cùng với việc kết hợp các nguồn lực của Trung ương, của Tỉnh và vốn vay từ các tổ chức quốc tế, UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hồ chứa, đập dâng, đê, kè,... nhằm nâng cao hiệu quả tích nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho Nhân dân, chống sạt lở, triều cường, đảm bảo vận hành an toàn công trình. Kết quả, toàn tỉnh đã và đang đầu tư sửa chữa, nâng cấp 09 hồ chứa nước; trong đó, có 07 hồ thuộc Dự án WB8 (An Tường, Núi Miếu, Trinh Vân, Suối Rùn, Hưng Long, Hồ Trạch, Cây Me) và 02 hồ thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh (Suối Mây, Đồng Đèo 2); các đập dâng: Đức Phổ, Lão Tâm, Nha Phu, Cây Kê, Cầu Điều; trạm bơm Chà Rang, hệ thống tưới, tiêu Tà Loan; hệ thống thủy lợi Kiên Giang; kiên cố 180 km kênh mương nội đồng; 36 km đê, kè sông.

Đã khởi công xây dựng đập dâng Phú Phong, hệ thống tiêu thoát lũ Sông Dinh, dự án Kênh tiêu 3 huyện; triển khai thực hiện kế hoạch kiên cố hoá kênh mương, kênh mương nội đồng năm 2022 (198 km). Dự kiến cuối năm 2022 sẽ khởi công các dự án: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La Tinh; đập dâng Hà Thanh 1; các Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn các huyện: Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Phù Cát, Hoài Ân và An Lão.

Việc đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn cho công trình trong quá trình vận hành khai thác, nâng mức đảm bảo tưới từ công trình thủy lợi kiên cố. Các công trình đã phát huy hiệu quả trong phòng, chống thiên tai và phục vụ sản xuất nông nghiệp nói riêng, đồng thời góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh nhà.

1.2. Tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, công tác đầu tư, quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hiện nay còn có những khó khăn, tồn tại chủ yếu đó là:

- Kinh phí đầu tư cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên hàng năm các công trình thủy lợi còn thấp so với mức xuống cấp của công trình. Việc sửa

chữa, nâng cấp công trình sau đầu tư chưa đồng bộ, chỉ mới đầu tư ở các công trình đầu mối, chưa chú trọng đầu tư hoàn chỉnh, khép kín hệ thống kênh mương dẫn nước và hệ thống thủy lợi nội đồng.

- Qua công tác kiểm tra an toàn hồ chứa trước mùa mưa lũ năm 2022, hiện nay có 23 công trình hồ chứa hư hỏng nặng có nguy cơ mất an toàn và đã đề nghị hạn chế tích nước; có 106/163 hồ chứa không có hồ sơ công trình gây khó khăn trong điều hành tưới và chống lũ. Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp và khắc phục những hạn chế nêu trên cần có nguồn kinh phí lớn để thực hiện.

- Chưa có chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư các công trình thủy lợi. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều khu vực, đoạn sông đã xảy ra tình trạng người dân xây dựng, lấn chiếm hành lang bảo vệ đê điều, hành lang thoát lũ của sông gây mất an toàn cho công trình, ảnh hưởng đến thoát lũ trên sông. Hiệu quả xử lý tình trạng lấn, chiếm chưa cao, số vụ tồn đọng còn nhiều, có vụ vi phạm mang tính chất nghiêm trọng, phức tạp đã xử lý nhưng không dứt điểm.

1.3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian đến.

Thời gian đến, để khắc phục các hạn chế, tồn tại nêu trên, nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

- Phối hợp với Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm các thủ tục đầu tư theo đúng quy định đối với các dự án trong danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường công tác kiểm tra an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi để kịp thời phát hiện những hư hỏng có nguy cơ gây mất an toàn cho công trình và đề xuất giải pháp khắc phục; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa nước cho lực lượng trực tiếp quản lý vận hành công trình.

- Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Chi cục Thủy lợi tăng cường tổ chức kiểm tra, thanh tra Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi, các Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi trực thuộc Công ty về trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi; đôn đốc việc kiểm tra, lập biên bản vi phạm pháp luật, kiến nghị chính quyền địa phương xử lý kịp thời các vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Báo cáo tình hình, kết quả triển khai công tác hỗ trợ phát triển đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh sau tác động của tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi từ năm 2021 đến nay. Giải pháp đẩy mạnh công tác phòng, chống bệnh dịch, hỗ trợ phát triển đàn vật nuôi trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

2.1. Kết quả thực hiện.

Từ năm 2021 đến nay, sản xuất chăn nuôi của tỉnh chịu nhiều ảnh hưởng do diễn

biến phức tạp của dịch Covid-19 và dịch bệnh trên động vật như dịch tả heo châu Phi, Viêm da nổi cục, Cúm gia cầm trong nước diễn biến phức tạp. Tại Bình Định đã xảy ra bệnh dịch viêm da nổi cục trâu bò, với tổng số bò mắc bệnh là 21.363 con và xử lý tiêu hủy là 3.374 con. UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống dịch bệnh và phát triển tái đàn vật nuôi. Tổ chức tốt công tác giám sát dịch bệnh, tiêm phòng vaccine và khuyến khích, kiểm soát phát triển tái đàn; gắn với phòng chống dịch bệnh luôn được tăng cường và phát huy hiệu quả; nhờ đó đưa tăng trưởng chăn nuôi 5,13% (năm 2021). Tổng đàn gia súc, gia cầm tại thời điểm tháng 10/2022: Đàn bò đạt 297.420 con, tăng 0,6% (+1.782 con) so cùng kỳ; đàn lợn đạt 645.523 con, tăng 1,2% so với cùng kỳ; Đàn gia cầm 8.672 nghìn con, tăng 3,3% so với cùng kỳ. Trong đó, đàn gà 6.425,3 nghìn con, tăng 4,7%.

Nhằm hỗ trợ khắc phục thiệt hại do dịch viêm da nổi cục xảy ra trên trâu bò vào năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 về hỗ trợ phát triển tái đàn bò trên địa bàn tỉnh Bình Định, theo đó hỗ trợ người dân vay vốn mua con giống, thức ăn, thuốc thú y để phục vụ chăn nuôi bò, mức cho vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 15.000.000 đồng/01 người lao động, hộ gia đình đối với hộ gia đình chăn nuôi có 01 con bò bị bệnh chết, xử lý tiêu hủy do dịch bệnh Viêm da nổi cục. Kết quả: 11/11 địa phương của tỉnh đã triển khai cho vay đạt 45.000 triệu đồng, với 2.230 lao động, tái đàn được 3.000 con bò; tạo điều kiện thuận lợi cho bà con chăn nuôi tiếp tục tái đàn, duy trì phát triển sản xuất chăn nuôi. Trước đó, năm 2020, UBND tỉnh, Ngân hàng Chính sách tỉnh đã xuất 150 tỷ đồng hỗ trợ bà con chăn nuôi có heo bị xử lý tiêu hủy do dịch tả heo châu Phi vay vốn tái đàn, với hỗ trợ lãi suất vay 0% trong thời gian 12 tháng; giúp bà con chăn nuôi tái đàn, phát triển sản xuất chăn nuôi. UBND tỉnh tiếp tục triển khai Đề án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ giai đoạn 2021-2025, nâng tỷ lệ bò lai của tỉnh đạt 88,5% (năm 2021), ước đạt 89,5% (năm 2022).

Mặt khác, UBND tỉnh tiếp tục duy trì cơ chế, chính sách hỗ trợ người chăn nuôi phòng, chống dịch bệnh: Hỗ trợ kinh phí mua vaccine Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc, Viêm da nổi cục để tiêm phòng cho đàn vật nuôi, đảm bảo việc tái đàn hiệu quả, tiếp tục duy trì khống chế dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí mua vaccine cúm gia cầm; ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ kinh phí mua vaccine tiêm phòng vaccine lở mồm long móng trâu, bò; ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ 50% kinh phí vaccine hỗ trợ tiêm phòng vaccine viêm da nổi cục trâu bò. Hàng năm ngân sách địa phương hỗ trợ từ 8-10 tỷ đồng cho công tác tiêm phòng vaccine phòng dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm. Ngoài ra, ngân sách tỉnh hỗ trợ tiền công tiêm phòng cho 03 huyện miền núi (An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thành); hỗ trợ tiền công tiêm phòng cho các huyện miền núi, hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó, tỷ lệ tiêm phòng hàng năm đạt trên 80% tổng đàn thống kê; góp phần duy trì, khống chế dịch bệnh, bảo vệ phát triển chăn nuôi bền vững.

Triển khai thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm (90%), với tổng số trâu, bò thịt được mua bảo hiểm là 614 con của 339 hộ chăn nuôi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa bàn của 07 xã thuộc huyện Hoài Ân và thị xã Hoài Nhơn. Chính sách bảo hiểm vật nuôi đang tiếp tục được triển khai tại các địa phương.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành Chính sách khuyến khích giết mổ động vật tập trung giai đoạn 2015-2020, tiếp tục giai đoạn 2021-2025. Kết quả đã thu hút nhà đầu tư xây dựng 02 cơ sở giết mổ động vật tập trung tại thành phố Quy Nhơn với quy mô cơ giới, giết mổ 400 con lợn; 2.000 con gia cầm, 30 con bò/ngày đêm; cung ứng người tiêu dùng thành phố Quy Nhơn và các vùng lân cận sản phẩm động vật an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Hiện nay, nhà đầu tư đang xây dựng 02 cơ sở giết mổ động vật tập trung tại thành phố Quy Nhơn, dự kiến đưa vào hoạt động cuối năm 2022. Hiệu quả mang lại: Quản lý giám sát và kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh động vật. Phát hiện, truy xuất và có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế lây lan dịch bệnh ra diện rộng; góp phần khống chế nhanh dịch bệnh động vật xảy ra và đảm bảo chăn nuôi phát triển bền vững. Các trường hợp dịch bệnh kịp thời phát hiện, truy xuất nguồn gốc dịch bệnh để có biện pháp bao vây, xử lý kịp thời; tiết kiệm ngân sách địa phương cho công tác phòng, chống dịch. Giải quyết lao động địa phương có thu nhập ổn định. Các Nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đi vào hoạt động sẽ chấm dứt tình trạng giết mổ nhỏ lẻ trong khu dân cư, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, khu phố sạch đẹp, mỹ quan đô thị. Đặc biệt là người tiêu dùng sử dụng thịt sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Hiện nay, UBND tỉnh đang triển khai chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nuôi gà thả đồi tại các huyện miền núi (An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh) và các huyện trung du (Hoài Ân, Tây Sơn) theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 04/8/2022; theo đó, chính sách hỗ trợ con giống, tập huấn kỹ thuật cho các hộ chăn nuôi gà thả đồi, hỗ trợ đầu tư xây dựng và hoạt động cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm gà thả đồi; tiến tới xây dựng Nhãn hiệu “Gà đồi Bình Định”. UBND tỉnh đang chuẩn bị nội dung Tờ trình Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2022-2026 trình tại kỳ họp thứ 9 HĐND tỉnh khoá XIII, nhiệm kỳ 2021-2026, nhằm hỗ trợ trang trại chăn nuôi heo đầu tư phát triển chăn nuôi công nghệ cao.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Về hỗ trợ người chăn nuôi có trâu bò bị xử lý tiêu hủy do bệnh viêm da, nổi cục năm 2021: Tại Công điện số 631/CD-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp kiểm soát phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò; theo đó, Thủ tướng giao “*Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật, trong đó có bệnh viêm da nổi cục đảm bảo thống nhất, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể và khả năng cân đối ngân sách, đúng quy định của pháp luật*” (Mục 2 Điểm đ). UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách hỗ trợ người chăn nuôi có trâu, bò bị chết, xử lý tiêu hủy do dịch bệnh Viêm da nổi cục. Tuy nhiên, đến nay, Trung ương chưa ban hành chính sách hỗ trợ để các địa phương triển khai thực hiện.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian đến.

Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân đầu tư cải thiện, nâng cấp chuồng trại hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng con giống cao sản, chất lượng cao để

tái đàn nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả chăn nuôi. Tiếp tục tăng cường quản lý chăn nuôi, kiểm soát chặt chẽ hoạt động tái đàn, chăn nuôi an toàn sinh học; giám sát phát hiện, báo cáo dịch bệnh kịp thời trong thời gian sớm nhất để có biện pháp xử lý, không để lây lan ra diện rộng... Tổ chức tốt công tác tiêm phòng vaccine phòng bệnh vật nuôi, đảm bảo đạt tỷ lệ tiêm phòng theo quy định. Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền người chăn nuôi tận dụng nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương, bổ sung thay thế thức ăn công nghiệp, hạ giá thành chăn nuôi và hướng dẫn chủ động chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăn nuôi an toàn sinh học, nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Chuẩn bị các điều kiện đưa 02 cơ sở giết mổ động vật tập trung tại thị xã An Nhơn đi vào hoạt động; xúc tiến, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ động vật tại thị xã Hoài Nhơn và các doanh nghiệp có dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung tại các địa phương khác trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục xây dựng, nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gắn với ứng dụng công nghệ số để quản lý tất cả các khâu trong chuỗi.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách phát triển chăn nuôi. Tập trung hoàn thiện, trình ban hành các chính sách, kế hoạch: Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Kế hoạch phát triển Vùng chăn nuôi công nghệ cao Nhơn Tân và triển khai thực hiện nhằm tạo động lực phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay. Giải pháp để nâng cao hiệu quả đối với công tác bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

3.1. Kết quả thực hiện.

Bình Định có diện tích tự nhiên là 607.151,71 ha, trong đó, diện tích đất có rừng là 343.095,00 ha (diện tích rừng tự nhiên là 214.584,11 ha, diện tích rừng trồng là 128.510,89 ha), đất mới trồng rừng chưa thành rừng 37.027,48 ha, diện tích đất chưa có rừng là 36.000,57 ha, độ che phủ rừng đến 31/12/2021 là 56,51% (trong quy hoạch lâm nghiệp 51,60%, ngoài quy hoạch lâm nghiệp 4,91%). Hiện nay, các Ban Quản lý rừng phòng hộ (QLRPH), đặc dụng được UBND tỉnh giao đất, tạm giao để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp; các Công ty TNHH Lâm nghiệp được UBND tỉnh giao đất theo Quyết định phê duyệt Phương án sử dụng đất của từng Công ty. Tổng diện tích được giao, tạm giao là 220.983,81 ha. Diện tích đã giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trên địa bàn tỉnh 121.369 ha và 377,8 ha đất lâm nghiệp giao khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đồng thời chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các văn bản triển khai thực hiện. Các Hạt Kiểm lâm; các đơn vị chủ rừng hằng năm xây dựng kế hoạch bảo vệ rừng, PCCCR trên lâm phận quản lý; căn cứ kế hoạch thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy các tổ đội bảo vệ rừng, PCCCR; xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, các hộ nhận khoán để thực

hiện tuần tra, truy quét, chốt chặn tại các khu vực có nguy cơ xảy ra xâm hại rừng cao.

Qua đó đã đạt được một số kết quả khả quan, từ năm 2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 05 vụ cháy rừng, diện tích thiệt hại 25,95 ha. Trong 10 tháng đầu năm 2022 không xảy ra cháy rừng. Các vụ cháy rừng đều được các hạt Kiểm lâm phối hợp với chủ rừng và chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra hiện trường, tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh, truy tìm đối tượng.

Phá rừng trái pháp luật: Từ năm 2021 đến nay, xảy ra 64 vụ phá rừng trái pháp luật, diện tích thiệt hại 33,87 ha; đã xử lý 56 vụ; cụ thể:

Khai thác rừng trái pháp luật: Từ đầu năm 2021 đến nay, phát hiện 18 vụ, với tổng khối lượng gỗ khai thác trái pháp luật 139,542 m³, đã xử lý 15 vụ .

Mua, bán, cất giữ, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: Từ đầu năm 2021 đến nay, phát hiện, lập biên bản 335 vụ vi phạm. Đã xử lý 262 vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước 3.761.819.187 đồng.

Phát hiện, lập biên bản 204 vụ vi phạm, đã xử lý 216 vụ; thu nộp Ngân sách nhà nước: 2.176.796.665 đồng.

Trong 10 tháng năm 2022: Phát hiện và lập biên bản 131 vụ vi phạm; đã xử lý hành chính 46 vụ vi phạm. Thu nộp vào Ngân sách nhà nước: 1.585.022.522 đồng.

Công tác tuyên truyền: Các hạt kiểm lâm đã tổ chức 3.419 lượt tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã, 05 đợt tuyên truyền lưu động và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức 370 đợt tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng, PCCCR có 24.197 người tham dự và có 2.767 người ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR.

3.2. Tồn tại, hạn chế.

Tình hình diễn biến thời tiết phức tạp, từ tháng 03 đến tháng 09 hằng năm trên địa bàn tỉnh nắng nóng, khô hạn kéo dài, cấp dự báo cháy rừng luôn ở cấp IV, cấp V nên nguy cơ cháy rừng ở mức cao; một số người dân sử dụng lửa trong rừng, ven rừng chưa tuân thủ quy định nên dễ xảy ra cháy lan vào rừng; các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho công tác PCCCR còn thiếu và thô sơ nên rất khó khăn để khống chế, dập tắt lửa khi có cháy rừng xảy ra.

Tập quán canh tác, nhận thức về công tác bảo vệ rừng ở một bộ phận người dân miền núi hạn chế, dẫn tới tình trạng vi phạm phá rừng, lấn biên rừng còn xảy ra ở một số địa phương. Nhu cầu sử dụng gỗ rừng tự nhiên của người dân tăng cao, trong khi nhà nước đóng cửa rừng tự nhiên. Một số loại gỗ quý hiếm ngày càng có giá trị trên thị trường làm cho một số đối tượng háms lợi bất chấp pháp luật, cố tình vi phạm, sẵn sàng chống đối lực lượng chức năng khi bị phát hiện.

Hầu hết diện tích rừng tự nhiên tập trung ở các vùng sâu, vùng xa, vùng giáp ranh với các tỉnh bạn; tập trung nhiều các huyện miền núi như: An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và các huyện trung du như: Tây Sơn, Hoài Ân, địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn, nhiều lối ra vào rừng nên hoạt động tuần tra, kiểm tra rừng gặp nhiều khó khăn, lực lượng bảo vệ rừng không thể kiểm soát hết các lối ra, vào rừng.

Nhiều diện tích đất canh tác nương rẫy của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số nằm sát biên rừng tự nhiên nên xảy ra tình trạng phá rừng dưới hình thức phát rẫy lấn biên vào rừng để mở rộng diện tích nương rẫy; mặt khác diện tích canh tác nương rẫy rất dễ bị xói mòn, rửa trôi và bạc màu sau 2 đến 3 năm canh tác nên người dân lại lén lút phá rừng để lấy đất mới canh tác.

Diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh rất lớn, song nhiều hộ gia đình, cá nhân chưa được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát khai thác rừng trồng.

3.3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian đến.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả đối với công tác bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp. Các sở, ngành liên quan và địa phương tập trung phối hợp thực hiện theo Quy chế phối hợp đã ký kết để ngăn chặn kịp thời và xử lý kiên quyết, nghiêm minh, đúng người, đúng tội các đối tượng có hành vi xâm hại tài nguyên rừng trên địa bàn; sớm phát hiện các đối tượng đang có hành vi vi phạm hoặc có biểu hiện nghi vấn vi phạm Luật Lâm nghiệp.

Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc vi phạm đã phát hiện và xác lập hồ sơ; xác định, truy quét các đối tượng “đầu nậu”; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm; đề xuất xử lý người đứng đầu cơ quan, chủ rừng để xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác lâm sản trái pháp luật trên địa bàn quản lý.

Rà soát các khu vực trọng điểm về phá rừng, khai thác gỗ trên địa bàn, lập kế hoạch phối hợp thường xuyên giữa lực lượng Công an, Kiểm lâm, dân quân tự vệ, chính quyền địa phương và chủ rừng tổ chức các đợt tuần tra, truy quét, chốt chặn tại các khu vực trên để phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, thực hiện việc nghiêm cấm, trục xuất người vào rừng trái phép, không để sự việc tiếp diễn thành điểm nóng về phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng.

Đối với những vụ vi phạm có dấu hiệu hình sự, tiếp tục tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan chức năng để điều tra; sớm khởi tố vụ án, bị can, xét xử theo quy định của pháp luật. Kiên quyết đấu tranh với các đối tượng cầm đầu, bảo kê, kích động, lôi kéo người dân phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm, nhận thức của người dân về bảo vệ rừng; thực hiện việc rà soát, phân loại các đối tượng phá rừng, khai thác, lấn, chiếm đất lâm nghiệp, vận chuyển, mua bán lâm sản trái pháp luật để có phương pháp tiếp cận tuyên truyền, giáo dục pháp luật, cảm hóa đối tượng chuyển đổi nghề sang làm việc khác; thiết lập các đường dây nóng tiếp nhận thông tin tố giác về hành vi phá rừng; thay đổi xu hướng, nhu cầu sử dụng sản phẩm gỗ rừng tự nhiên cũng như các sản phẩm từ rừng trong xã hội.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các chủ rừng phối hợp với các hộ gia đình, cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng trong việc tổ chức kiểm tra rừng để phát hiện các hành vi vi phạm trên lâm phận được giao, cung cấp thông tin nhằm xử lý kịp thời

những hành vi vi phạm, có biện pháp xử lý kiên quyết những hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không thực hiện theo đúng hợp đồng.

4. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác IUU từ năm 2021 đến nay. Các giải pháp tổ chức triển khai thực hiện thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

4.1. Kết quả thực hiện.

a) Công tác quản lý tàu cá

Toàn tỉnh có 5.799 tàu cá; trong đó, có 4.298 tàu cá thuộc diện đăng kiểm hàng năm. Tính từ đầu năm đến nay, đã thực hiện đăng kiểm hàng năm đạt 1.858/4.298 chiếc (đạt 43,2%). Số tàu cá thuộc diện đăng kiểm còn lại do các tổ chức đăng kiểm khác (trong và ngoài tỉnh) kiểm tra, gia hạn.

Tình hình cấp giấy phép khai thác thủy sản: Đến nay, đã cấp giấy phép khai thác thủy sản cho 4.852 tàu/5.815 tàu (chiếm 83,42%), còn lại số tàu chưa thực hiện thủ tục cấp giấy phép khai thác là 964 tàu¹.

Công tác đánh dấu tàu cá: Hiện nay, tất cả các tàu cá thuộc diện đăng kiểm hàng năm do Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra đã thực hiện việc đánh dấu tàu cá đúng quy định.

Kết quả cập nhật dữ liệu tàu cá trên VN-Fishbase: Triển khai cập nhật đầy đủ dữ liệu về đăng ký, đăng kiểm, giấy phép khai thác thủy sản, tàu cá vi phạm IUU theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT (nay là Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT) của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

b) Về theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá trên biển

Đến nay, 100% tàu có chiều dài từ 15 mét trở lên của tỉnh hoạt động khai thác vùng khơi (3.225 tàu) đã được trang bị thiết bị giám sát hành trình theo quy định. Số còn lại 41 chiếc² bị hư hỏng, nằm bờ, không hoạt động sản xuất nên chưa lắp giám sát hành trình và làm thủ tục cấp giấy phép khai thác thủy sản. Sở Nông nghiệp và PTNT đang kiểm tra, xác định vị trí, địa điểm neo đậu của từng tàu cá chưa lắp đặt giám sát hành trình. Yêu cầu các chủ tàu cá ký cam kết phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trước khi tham gia hoạt động khai thác.

Để quản lý, khai thác và sử dụng thông tin hệ thống giám sát hành trình, Sở Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu của hệ thống giám sát tàu cá trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quy trình tiếp nhận thông tin, xử lý dữ liệu giám sát hành trình đối với tàu cá tỉnh Bình Định có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên vượt ranh giới cho phép trên biển, không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển.

¹ Quy Nhơn: 350 chiếc, Tuy Phước: 339 chiếc, Phù Cát: 57 chiếc, Phù Mỹ: 164 chiếc, Hoài Nhơn: 53 chiếc và An Lão: 01 chiếc.

² Quy Nhơn: 03 tàu, Phù Mỹ: 33 tàu, Hoài Nhơn: 04 tàu, An Lão: 01 tàu.

Chỉ đạo tổ chức trực hệ thống Trạm bờ 24/24 để theo dõi, tiếp nhận thông tin, phát hiện và xử lý tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển; không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển.

Thông qua phần mềm hệ thống giám sát tàu cá tại Trạm bờ, đã phát hiện và cảnh báo 96 lượt tàu /80 tàu vượt ra ngoài vùng tự do đánh bắt³.

Công tác xử lý đối với các tàu cá bị cảnh báo: Thông báo ngay cho chủ tàu, thuyền trưởng quay về vùng biển Việt Nam và không được vi phạm vùng biển nước ngoài; gửi danh sách đến UBND các xã, phường phối hợp với các Đoàn Biên phòng, các đơn vị liên quan tổ chức làm việc, xử lý đối với thuyền trưởng tàu vi phạm, yêu cầu ký cam kết không tái phạm ngay sau khi tàu về bờ; đã phối hợp làm việc 10 lượt/10 tàu, chưa đủ cơ sở để xử lý vi phạm nên đã tuyên truyền, nhắc nhở, giáo dục chủ tàu cam kết không tái phạm. Các tàu chưa xử lý do tàu cá hoạt động khai thác và về các cảng cá ngoài tỉnh nên chưa làm việc với chủ tàu.

Thông qua phần mềm hệ thống giám sát tàu cá tại Trạm bờ, đã phát hiện và cho 97 lượt/91 tàu mất kết nối trên 10 ngày (*Năm 2021: có 67 lượt/63 tàu cá; năm 2022: 40 lượt/36 tàu*).

Công tác xử lý: Thông báo ngay cho chủ tàu, thuyền trưởng yêu cầu bật thiết bị giám sát hành trình; trường hợp tàu cá cố tình vi phạm hoặc không liên lạc được, cung cấp thông tin (qua điện thoại, fax, email) cho các BQL các cảng cá, Phòng Kinh tế/Nông nghiệp và PTNT, UBND xã/phường nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh để thông báo cho chủ tàu hoặc người nhà chủ tàu liên lạc ngay với thuyền trưởng tàu cá yêu cầu bật thiết bị giám sát hành trình.

Trường hợp tàu cá cố tình vi phạm hoặc không liên lạc được sau 10 ngày kể từ khi phát hiện tàu cá bị mất tín hiệu kết nối trên biển, Chi cục Thủy sản thông báo cho Cảng cá nơi tàu cá đăng ký và đề nghị BQL các cảng cá thông báo cho các đơn vị có liên quan phối hợp xử lý theo quy định ngay sau khi tàu về cảng cá. Đã làm việc 19 trường hợp, xử phạt vi phạm hành chính 06 trường hợp với tổng số tiền 130 triệu đồng, 13 trường hợp thuyền trưởng sử dụng thiết bị khác để báo cáo hoặc nằm trong trường hợp bất khả kháng, nhắc nhở, chủ tàu cam kết thực hiện đúng quy định. Các trường hợp còn lại do tàu cá hoạt động khai thác và thường xuyên về các cảng cá ngoài tỉnh nên chưa làm việc, xử lý.

c) Về kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá tại cảng

Công tác tổ chức kiểm tra của Tổ IUU tại cảng cá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức kiểm tra tàu cá rời, cập cảng. Hiện nay, đã thành lập 03 Tổ IUU (gồm 10 người) tại 03 cảng cá Đê Gi (3 người), Quy Nhơn (03 người) và Tam Quan (04 người) để kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng theo quy định. Kết quả: Năm 2021 đã kiểm tra 3.479 lượt tàu rời cảng; 2.950 lượt tàu cập cảng; từ đầu

³ Năm 2021: Phát hiện 82 lượt tàu/67 tàu bị cảnh báo (chủ yếu ở khu vực vùng biển Vịnh Bắc Bộ giáp ranh giữa Việt Nam và Trung Quốc: 59 lượt). Từ đầu năm 2022 đến nay phát hiện 53 lượt tàu/ 41 tàu (VN - Campuchia: 11 lượt; VN-Indonesia: 2; phía Bắc Hoàng Sa: 1 lượt; VN - Philippin: 1 lượt; Vịnh Bắc bộ: 38 lượt).

năm 2022 đến nay đã kiểm tra 3.314/14.245 lượt tàu rời cảng⁴. Kiểm tra 2.898/11.464 lượt tàu cập cảng⁵ đảm bảo đạt tỷ lệ theo quy định.

Công tác xử phạt của các Tổ IUU tại cảng cá: (i) Năm 2021 các tổ IUU tại cảng cá đã làm việc xử lý 13 trường hợp vi phạm với số tiền xử phạt 257 triệu đồng; (ii) Đầu năm 2022 đến nay đã làm việc, xử phạt 15 trường hợp vi phạm với số tiền 205,5 triệu đồng, chủ yếu trường hợp mất kết nối trên 10 ngày; hoạt động khai thác sai vùng tuyến; trường hợp vi phạm quy định tại cảng cá, vi phạm về ghi nhật ký khai thác.

Về giám sát tàu cá và sản lượng bốc dỡ qua cảng: Thực hiện Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý các cảng cá trên địa bàn tỉnh đã giám sát sản lượng bốc dỡ thủy sản qua cảng, xác nhận tàu cá rời, cập cảng cá. Năm 2021, các Ban quản lý cảng cá đã giám sát sản lượng qua cảng 59.025 tấn, trong đó: Quy Nhơn: 23.430 tấn, Đề Gi: 5.595 tấn, Tam Quan: 30.000 tấn; từ đầu năm 2022 đến nay, các Ban quản lý cảng cá đã giám sát sản lượng qua cảng 30.065 tấn, trong đó: Quy Nhơn: 16.047 tấn, Đề Gi: 3.275 tấn, Tam Quan: 10.743 tấn.

d) Về chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác

Xác nhận nguyên liệu thủy sản: Năm 2021, xác nhận 261 giấy với khối lượng 8.275 tấn (*Quy Nhơn: 258 giấy/8.263 tấn, Đề Gi: 3 giấy/12 tấn*); năm 2022 xác nhận 263 giấy với khối lượng 5.991 tấn.

Chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác: Năm 2021, chứng nhận 308 giấy với khối lượng 2.840.194,48 kg; năm 2022 chứng nhận 328 hồ sơ với 2.996.281 kg tăng 42% so với cùng kỳ (*năm 2021: 2.108.781 kg cá*). Đảm bảo đúng quy trình và không có lô hàng nào được chứng nhận bị trả về.

e) Về thực thi pháp luật

- Năm 2021: Có 16 tàu/97 thuyền viên bị các nước trong khu vực bắt giữ, trong đó, huyện Phù Cát: 14 tàu/85 thuyền viên⁶. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 09/16 trường hợp với tổng số tiền 8.100 triệu đồng (*riêng huyện Phù Cát: 08 trường hợp*). Trong năm 2022: Có 08 tàu/49 thuyền viên⁷.

Kết quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản đối với hành vi khai thác IUU từ năm 2021 đến nay

Năm 2021, các lực lượng chuyên ngành đã tổ chức 50 chuyến tuần tra, kiểm tra 575 trường hợp, xử phạt vi phạm hành chính 36 trường hợp với số tiền 378,9 triệu đồng và áp

⁴ Quy Nhơn: 701/2.978 lượt tàu, Đề Gi: 690/2.512 lượt tàu, Tam Quan: 2.028 /8746 lượt tàu.

⁵ Quy Nhơn: 628/2.424 lượt tàu, Đề Gi: 235/632 lượt tàu, Tam Quan: 2.035/8.408 lượt tàu.

⁶ Cát Tiến: 02 tàu/12 thuyền viên, Cát Khánh: 01 tàu/06 thuyền viên, Cát Minh: 11 tàu/67 thuyền viên, Phù Mỹ: 02 tàu/12 thuyền viên. Cụ thể: Malaysia 05 tàu/31 thuyền viên, Indonesia 11 tàu/66 thuyền viên, toàn bộ các tàu trên đều xuất bến ngoài tỉnh (tại Vũng Tàu: 15 tàu, Bình Thuận: 01 tàu), trong đó có 14 tàu chiều dài dưới 15 mét, hoạt động vùng lộng (không quy định lắp thiết bị GSHT) và 02 tàu cá chiều dài trên 15 mét đã lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng từ ngày lắp đặt đến nay thiết bị không hoạt động và hàng năm không về địa phương.

⁷ Cát Minh: 02 tàu/12 thuyền viên, Cát Tiến: 03 tàu/24 thuyền viên, Đong Đa: 01 tàu/07 thuyền viên, Tam Quan Bắc: 01 tàu/06 thuyền viên, cụ thể: có 7 tàu/42 thuyền viên bị Malaysia bắt giữ, 01 tàu/7 thuyền viên bị Trung Quốc bị bắt giữ. Trong đó, có 03 tàu cá từ 15 m trở lên, không bắt thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển, có 01 tàu cá của phường Tam Quan Bắc có bắt thiết bị giám sát hành trình đến 16 giờ 22 phút, vị trí tàu tại vùng biển Viên Nam theo bản đồ (cách đường ranh giới theo Bản đồ 15 hải lý), tuy nhiên chưa xác thời gian tàu bị bắt, có 04 tàu dưới 15 mét đóng mới cách đây 27 năm, làm nghề câu mực, kiểm mảnh mực.

dụng một số hình thức phạt bổ sung như tước Chứng chỉ Thuyền trưởng có thời hạn, tịch thu tang vật vi phạm...; Từ đầu năm 2022 đến nay, đã tổ chức 43 chuyên tuần tra kiểm soát, kiểm tra 552 lượt tàu cá; xử phạt vi phạm hành chính 49 trường hợp với số tiền xử phạt là 474,3 triệu đồng; trong đó, lực lượng Kiểm ngư - Thanh tra thủy sản xử phạt 36 trường hợp với số tiền 268,8 triệu; các Tổ IUU xử phạt 13 trường hợp với số tiền 205,5 triệu đồng.

4.2. Tồn tại, hạn chế.

- Về công tác quản lý tàu cá:

+ Có 964 tàu⁸ chưa cấp Giấy phép khai thác thủy sản, chủ yếu là tàu cá khai thác ở vùng biển ven bờ, vùng lộng; nguyên nhân: Tàu cá tự ý cải hoán, sang tên, đổi chủ khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan chức năng; hoạt động nghề khai thác bị cấm theo Thông tư 19; chủ tàu không thực hiện thủ tục để được cấp Giấy phép khai thác thủy sản.

+ Về công tác đăng ký, đăng kiểm: Tàu cá Bình Định thường xuyên di chuyển ngư trường, các cơ sở đăng kiểm tư nhân trong và ngoài tỉnh thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật nhưng Bộ Nông nghiệp và PTNT chưa có quy định bắt buộc các cơ sở đăng kiểm phải cập nhật dữ liệu về an toàn kỹ thuật tàu cá đã kiểm tra do đó việc cập nhật lại dữ liệu đối với các tàu cá này chưa thực hiện.

- Về quản lý thiết bị giám sát hành trình: Tình hình tàu cá bị cảnh báo hoạt động ngoài vùng tự do đánh bắt và tàu cá mất tín hiệu kết nối từ năm 2021 đến nay còn nhiều, đa số các tàu cá trên hoạt động và về bến ngoài tỉnh nên khó khăn trong công tác xử lý.

- Công tác quản lý cảng cá: Chưa giám sát được sản lượng của toàn bộ tàu thuyền cập cảng, nhất là tàu giã cào cập cảng cá Quy Nhơn do nghề này có thành phần loài thủy sản nhiều, sản lượng mỗi loài ít; tàu cá dưới 15 m khai thác vùng lộng và vùng bờ thường xuyên cập cảng cá trong khi nguồn nhân lực của cảng cá không đủ để thực hiện giám sát.

- Tình hình tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài và công tác xử lý: Chưa chấm dứt hẳn tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài: Mặc dù UBND tỉnh đã chỉ đạo rất quyết liệt; các ngành, các cấp, chính quyền địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, cũng như các quy định, hình thức xử lý vi phạm của một số nước, nhưng tình trạng tàu cá bị bắt giữ vẫn chưa chấm dứt hẳn: (năm 2021: 16 tàu, năm 2022: 06 tàu) vi phạm bị nước ngoài bắt giữ.

- Về lực lượng thực thi pháp luật Thủy sản:

+ Về lực lượng, trang thiết bị, phương tiện: Lực lượng Kiểm ngư - Thanh tra chuyên ngành thủy sản hiện đang rất mỏng, phương tiện bảo đảm cho công tác này được bố trí nhưng chưa đáp ứng kịp thời các công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở địa phương, không có trang bị thiết bị, công cụ hỗ trợ khi thi hành công vụ, chế độ cho công chức thanh tra chuyên ngành...

⁸ Quy Nhơn: 350 chiếc, Tuy Phước: 339 chiếc, Phù Cát: 57 chiếc, Phù Mỹ: 164 chiếc, Hoài Nhơn: 53 chiếc, An Lão: 01 chiếc.

+ Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trường hợp tàu cá vi phạm nhưng không có các giấy tờ liên quan thì cơ quan chức năng sẽ phải tạm giữ phương tiện tàu cá để đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản tang vật, phương tiện đó, trong trường hợp tang vật, phương tiện bị mất, bán, đánh tráo hoặc hư hỏng... thì người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật, trong khi tại Bình Định không có nơi tạm giữ, bảo quản tàu thuyền vi phạm nên gây khó khăn cho công tác xử lý.

4.3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian đến.

Để khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác IUU từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ giải pháp sau:

a) Về công tác quản lý tàu cá:

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, hướng dẫn các chủ tàu cá thực hiện cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo quy định. Đề xuất xóa đăng ký đối với các trường hợp chủ tàu cá không thực hiện cấp phép khai thác thủy sản theo quy định.

- Tăng cường phối hợp tuần tra, kiểm soát thực thi pháp luật về thủy sản; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo Nghị định số 42/2019/NĐ-CP; không cho tàu thuyền không đầy đủ thủ tục vào bán cá và neo đậu tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh.

- Cập nhật đầy đủ dữ liệu về đăng ký, đăng kiểm, giấy phép khai thác thủy sản, tàu cá vi phạm IUU theo quy định lên hệ thống phần mềm VN-Fishbase.

b) Về quản lý hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá:

- Bố trí, sắp xếp cán bộ, phân công trực hệ thống Trạm bờ giám sát hành trình 24/24 giờ để tiếp nhận, xử lý, cung cấp thông tin về dữ liệu giám sát hành trình, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để xử lý các tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển, không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức làm việc với các chủ tàu cá bị cảnh báo hoạt động ngoài vùng tự do đánh bắt và tàu cá mất tín hiệu kết nối, củng cố hồ sơ xử lý theo quy định.

- Chỉ đạo Ban quản lý các cảng cá theo dõi, giám sát tàu cá hoạt động trên biển từ hệ thống giám sát tàu cá để thông báo cho các đơn vị có liên quan biết tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển, bị mất tín hiệu kết nối trên biển ngay sau khi tàu về bờ và phối hợp làm việc với chủ tàu/thuyền trưởng để xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Công tác kiểm tra, kiểm soát tàu cá ra vào cảng, chứng nhận thủy sản:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường công tác kiểm tra tàu cá rời cảng, cập cảng, và giám sát sản lượng đối với tàu cập cảng nhất là đối với giã cào khai thác vùng khơi đã lắp đặt giám sát hành trình.

- Chỉ đạo Ban quản lý các cảng cá theo dõi, giám sát tàu cá hoạt động trên biển từ hệ thống giám sát tàu cá để làm cơ sở phục vụ cho việc xác nhận nguyên liệu khai thác thủy sản theo đúng quy định;

- Rà soát, lưu trữ hồ sơ kiểm tra tàu cá rời cảng, cập cảng, hồ sơ xác nhận, chứng nhận thủy sản để phục vụ cho việc kiểm tra và làm việc với Đoàn thanh tra Ủy ban Châu Âu (EC).

d) Về xử lý, ngăn chặn tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài:

- Sở Nông nghiệp và PTNT

+ Chủ trì, xây dựng cơ chế phối hợp trao đổi thông tin giữa UBND tỉnh Bình Định với các tỉnh khu vực phía Nam nơi thường xuyên có tàu cá Bình Định nhập bến neo đậu để tăng cường quản lý đối với tàu cá địa phương hoạt động ngoài tỉnh, xử lý kịp thời tàu cá vi phạm khai thác IUU.

+ Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát toàn bộ việc thực hiện Quy trình tiếp nhận thông tin, xử lý dữ liệu giám sát hành trình đối với tàu cá Bình Định có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên vượt ranh giới cho phép trên biển, không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển.

+ Phối hợp với Đoàn, Trạm Kiểm soát Biên phòng, chính quyền địa phương lập biên bản vi phạm hành chính, xử lý nghiêm minh đối với các tàu cá bị cảnh báo hoặc tàu cá không duy trì hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển; đưa các tàu cá này vào danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU gửi các Đoàn, Trạm Biên phòng, các Ban quản lý cảng cá, các Tổ IUU trong và ngoài tỉnh yêu cầu kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm khi tàu xuất bến, về bến.

- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

+ Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các chủ tàu cá vi phạm hoạt động khai thác vùng biển nước ngoài. Tiếp tục phối hợp với các lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển hướng dẫn, nhắc nhở, cảnh báo tàu cá có dấu hiệu vi phạm vùng biển nước ngoài và phối hợp điều tra, xác minh làm rõ hành vi vi phạm của chủ tàu cá, thuyền trưởng để trình Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

+ Chủ trì phối hợp với các lực lượng chức năng điều tra, xác minh, tham mưu đề xuất xử phạt theo đúng thẩm quyền các trường hợp tàu cá vi phạm khai thác thủy sản ở vùng biển nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân vì lợi ích kinh tế cá nhân cố tình đưa tàu cá, ngư dân đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài. Đối với các trường hợp không có cơ sở pháp lý để xử phạt, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xin ý kiến chỉ đạo.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền về an ninh, biển đảo, biên giới biển cho các chủ tàu, thuyền trưởng khai thác tại các vùng biển khơi. Vận động ngư dân cam kết

không hoạt động khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển thuộc chủ quyền của nước ngoài.

- Công an tỉnh

+ Tăng cường công tác nắm tình hình, phát hiện, điều tra xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân môi giới, tổ chức đưa ngư dân, tàu cá Bình Định đi khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển nước ngoài hoặc môi giới, tổ chức đưa tàu cá và ngư dân bị nước ngoài bắt giữ về Việt Nam trái phép theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp với lực lượng Biên phòng, các địa phương trong việc xác minh nguồn kinh tế, tài sản, thông tin về tài khoản cá nhân tại các tổ chức tín dụng/ngân hàng của các chủ tàu bị bắt giữ đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa thi hành, để phục vụ cho việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

+ Chỉ đạo UBND xã/phường ven biển phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công tác tuyên truyền sâu rộng đến từng thôn, xã và từng hộ gia đình ngư dân về khai thác IUU; yêu cầu bắt buộc chủ tàu/ thuyền trưởng phải ký cam kết không hoạt động khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển nước ngoài; tổ chức kiểm điểm chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân bị nước ngoài bắt giữ sau khi được thả về trước cộng đồng địa phương.

+ Phối hợp với lực lượng Biên phòng, Công an tiến hành xác minh nguồn kinh tế, tài sản, tài khoản tại các tổ chức tín dụng/ngân hàng nhằm phục vụ cho việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các chủ tàu cá cố tình chây ỳ không chịu nộp phạt.

+ Tập trung rà soát, khoanh vùng, lập danh sách các đối tượng, nghề khai thác, các địa bàn trọng điểm tại địa phương có tàu vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài để tăng cường công tác theo dõi, nắm tình hình, triển khai đồng bộ các giải pháp về dân vận cơ sở, tuyên truyền, vận động cộng đồng ngư dân và các thành phần có liên quan không thực hiện hành vi vi phạm, đề cao tinh thần ngăn chặn, tố giác các hành vi vi phạm.

5. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay. Giải pháp thực hiện thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

5.1. Kết quả thực hiện.

a) Công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao

- Hiện nay, tỉnh sử dụng 99% giống lúa cấp xác nhận và hạt lai F1; sử dụng giống ngô lai đạt trên 95%; trên 70% diện tích cây ăn quả (cam, bưởi, xoài, dứa) trồng mới sử dụng giống đúng tiêu chuẩn.

- Lai tạo giống bò, tỷ lệ bò lai tăng mạnh, đạt 87% trong năm 2021. Đối với giống

lợn, tỷ lệ lợn lai đạt 93%, có 11 doanh nghiệp đang chăn nuôi sản xuất cung cấp con giống thương phẩm. Đối với gà, trên địa bàn tỉnh hiện có trên 10 cơ sở sản xuất giống gà, trong đó có 02 doanh nghiệp lớn sản xuất gà giống thương phẩm 01 ngày tuổi là Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Minh Dư và Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Cao Khanh với các dòng gà ta chọn lọc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật.

- Có 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây nuôi cấy mô về giống lâm nghiệp, công suất sản xuất 32 triệu cây giống/năm⁹.

- Có 02 Công ty chuyên sản xuất giống tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao, có vốn đầu tư nước ngoài là Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam- Chi nhánh 3 tại Bình Định và Công ty cổ phần Việt-Úc Bình Định; sản lượng giống tôm thẻ chân trắng đã sản xuất 11,8 tỷ con (năm 202: 6,6 tỷ con và 10 tháng đầu năm là 5,4 tỷ con).

b) Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên các lĩnh vực

** Trồng trọt*

- Đối cây lúa: Năm 2021, tỷ lệ diện tích lúa có áp dụng IPM đạt khoảng 75%, diện tích áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) là 1.402,3 ha. Vụ Đông Xuân 2021-2022, diện tích áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) là 1.512,3 ha. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các cánh đồng mẫu lớn, nhất là cánh đồng mẫu lớn liên kết với các doanh nghiệp sản xuất lúa giống¹⁰. Duy trì 08 dự án cánh đồng lớn, dự án liên kết sản xuất lúa giống đã được UBND tỉnh phê duyệt, với diện tích 982,3 ha¹¹. Ngoài ra, các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp liên kết sản xuất giống lúa, nâng diện tích sản xuất lúa giống cả tỉnh 3.133 ha, ước sản lượng trên 20.000 tấn, đã hình thành vùng sản xuất lúa giống tập trung ở huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Phù Cát, thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn...

- Đối với rau: Phối hợp với các địa phương duy trì và phát triển 08 vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap ở các huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn; xây dựng nhãn hiệu “*Lá lành*”, quy mô diện tích 106,4 ha có 1.260 hộ dân tham gia; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển rau hữu cơ, VietGap¹².

- Đối với Hoa: Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Phát triển làng nghề sản xuất cây Mai vàng Nhơn An¹³; xây dựng 4 mô hình trồng hoa theo hướng công nghệ cao

⁹ Gồm: 01 đơn vị nhà nước là Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn và 02 đơn vị tư nhân là Công ty TNHH Vũ Hà và Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ cây trồng Nguyên Hạnh.

¹⁰ Năm 2021, thực hiện 270 cánh đồng mẫu lớn (lúa 266 cánh đồng; lạc 04 cánh đồng), tổng diện tích 13.189 ha. Vụ Đông Xuân 2021-2022, thực hiện 117 cánh đồng mẫu lớn (lúa 110 cánh đồng; lạc 07 cánh đồng), tổng diện tích thực hiện 5.207 ha.

¹¹ Năm 2021, các dự án đã liên kết sản xuất lúa giống với diện tích 1.402,3 ha (vụ Đông Xuân 982,3 ha, vụ Hè Thu 420 ha). Vụ Đông Xuân 2021-2022 thực hiện 982,3 ha.

¹² Đến nay, diện tích trồng rau hữu cơ khoảng 2,0 ha tại thôn Thiết Trụ, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn; diện tích được chứng nhận VietGap đối với rau 6,0 ha tại huyện Phù Cát 5,0 ha và huyện Phù Mỹ 1,0 ha, nấm 2,4 ha tại huyện Tuy Phước, Vĩnh Thạnh.

¹³ Đầu tư hạ tầng khu sản xuất Mai vàng tập trung Nhơn An, mở rộng diện tích trồng Mai ở Nhơn Phong, Nhơn Hạnh; đẩy mạnh ứng dụng tưới tiết kiệm, sử dụng chế phẩm, phân bón sinh học để bảo vệ môi trường.

tại làng nghề trồng hoa Bình Lâm theo Đề án Phát triển làng nghề trồng hoa Bình Lâm; thực hiện công trình trồng cây hoa Anh Đào, cây Mai Anh Đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh.

- Cây ăn quả: Đến nay, diện tích cây ăn quả chứng nhận VietGap là 77,5 ha, trong đó xoài 40 ha, cây có múi 37,5 ha ở các huyện Phù Cát, Hoài Ân, Tây Sơn. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các dự án, mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư một số dự án¹⁴.

- Cây trồng cạn: Đã phối hợp xây dựng mô hình trồng lạc đạt tiêu chuẩn VietGap và liên kết tiêu thụ, chế biến dầu lạc ở xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, với diện tích được chứng nhận 5,0 ha; triển khai thực hiện mô hình thâm canh lạc gắn liên kết chuỗi có sử dụng hệ thống ống tưới nước tiết kiệm với diện tích 3,0 ha/điểm, thực hiện tại 04 điểm ở huyện Tây Sơn, Phù Cát, Vĩnh Thạnh; tiếp tục triển khai thực hiện mô hình chuyển đổi đất lúa sang trồng ngô sinh khối với diện tích 40,0 ha tại huyện Phù Mỹ. Ứng dụng máy móc, thiết bị cơ giới hóa vào sản xuất cây trồng cạn, sơ chế nông sản ngày càng được người dân quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng hiện đại, giảm công và sức lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất¹⁵.

* Chăn nuôi

- Đối với heo: Tiếp tục ứng dụng công nghệ cao để đầu tư, nâng cấp xây dựng trang trại chăn nuôi, đưa tỷ lệ heo lai, heo ngoại đạt khoảng 93% tổng đàn lợn. Các doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các giống heo ngoại cung cấp ra thị trường¹⁶. Tháng 3/2022, “*Nhãn hiệu Lợn Hoài Ân*” đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận.

- Đối với bò: Tiếp tục phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ, giai đoạn 2021-2025 gắn với phát huy nhãn hiệu “*Bò thịt chất lượng cao Bình Định*”. Tổng số bò phối giống là 222.006 con; tổng số bê lai được sinh ra là 179.073 con.

- Đối với gà: Tiếp tục ứng dụng công nghệ 4.0 để đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà hiện đại, tiên tiến, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Trên địa bàn tỉnh có 02 doanh nghiệp sản xuất gà giống thương phẩm là Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Minh Dư và Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Cao Khanh đã cung cấp ra thị trường gà giống 01 ngày tuổi với các dòng gà đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới. Trong đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Minh Dư đã hoàn thành và đưa vào hoạt động 02 trang trại sản xuất gà giống ứng dụng công nghệ cao tại

¹⁴ Dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả như mít và bưởi tại xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn; Trang trại trồng trọt Mỹ Bình tại xã Hoài Phú, thị xã Hoài Nhơn; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả và các loại cây dược liệu tại xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn; Trang trại APL Vĩnh Thạnh trồng cây nông nghiệp, cây dược liệu tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh; Dự án sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh,...

¹⁵ Như: Máy gieo hạt ngô, lạc, máy thu hoạch, máy sấy nông sản. Đến nay, mức độ cơ giới hóa trong khâu làm đất là 93%; khâu gieo hạt tại huyện Phù Cát, thị xã An Nhơn đã sử dụng máy gieo hạt ngô, lạc ở một số cánh đồng; khâu chăm sóc 35%, bao gồm các loại máy móc phun thuốc bảo vệ thực vật, các máy kéo nhỏ, máy kéo đa năng để vun, xới và chăm sóc cho các loại cây trồng; khâu tưới là 92%; khâu thu hoạch chủ yếu ứng dụng các loại máy thu hoạch, bóc vỏ, tẽ hạt đối với ngô, lạc, đậu, đỗ,...

¹⁶ Công ty TNHH Nông nghiệp Trường Hải Bình Định đã đầu tư nâng công suất trại heo giống công nghệ cao THAGRICO Bình Định tại Phù Cát lên 13.500 heo giống cụ kỵ, ông bà, bố mẹ.

huyện Vân Canh và thị xã An Nhơn với số lượng 880 ngàn gà giống bố mẹ.

- Toàn tỉnh có 14 doanh nghiệp đang hoạt động chăn nuôi, sản xuất con giống theo hướng ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống chăn nuôi hiện đại, khép kín. Sản phẩm chăn nuôi trong trang trại, ứng dụng công nghệ cao chiếm khoảng 30% đối với chăn nuôi heo, 15% đối với chăn nuôi gà. Bên cạnh đó, Bình Định có trang trại chăn nuôi bò sữa Vinamilk quy mô hơn 2.000 con, có hệ thống quản lý, chăn nuôi hiện đại, công suất sản xuất hơn 10 triệu lít sữa/ năm hoạt động rất có hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh có 59 trang trại, cơ sở chăn nuôi được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGHAP, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

- Xúc tiến kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng Nhà máy giết mổ động vật tập trung¹⁷. Đã hình thành và duy trì một số chuỗi liên kết chăn nuôi heo thịt, gà thịt gia công hoạt động có hiệu quả¹⁸. Tiến hành xúc tiến đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ gia cầm tại Bình Định¹⁹.

* Thủy sản

- Về khai thác thủy sản: Thực hiện mô hình tổ chức liên kết, liên doanh sản xuất, thương mại... theo chuỗi giá trị với sự tham gia quản lý, tổ chức của các hội, hiệp hội, hiện nay địa phương đang phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm Mãi Tín xây dựng Dự án Chuỗi liên kết khai thác, chế biến tiêu thụ cá ngừ đại dương; tiếp tục hỗ trợ kinh phí để thực hiện mô hình khuyến nông ứng dụng công nghệ Nano trong bảo quản thủy sản trên tàu cá. Áp dụng công nghệ số, công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, công nghệ viễn thám để quản lý, vận hành tàu cá trong khai thác, bảo quản thủy sản để nâng chất lượng thủy sản sau khai thác²⁰....

Sản lượng khai thác hải sản năm 2021 đạt 258.136 tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2020; 10 tháng đầu năm 2022 đạt 231.678,9 tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập được 723 tổ đội đoàn kết trên biển với 2.878 tàu cá²¹. Ngoài ra, đã thành lập được 01 nghiệp đoàn nghề cá tại thị xã Tam Quan Bắc với 141 tàu câu cá ngừ đại dương tham gia.

- Về nuôi trồng thủy sản: Bước đầu phát triển nuôi biển với các đối tượng nuôi chủ yếu là tôm hùm, cá biển tại vùng biển Quy Nhơn và Phù Mỹ ở quy mô hộ gia đình theo phương pháp truyền thống²².

¹⁷ Đã kêu gọi đầu tư xây dựng được 02 nhà máy giết mổ động vật tập trung quy mô cơ giới tại Phường Trần Quang Diệu và phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn với công suất giết mổ 500 con heo, 30 con bò và 2.000 con gà/ngày đêm. Hiện có 02 cơ sở giết mổ tại xã Nhơn An và Khu công nghiệp Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn chuẩn bị hoàn thiện và dự kiến đi vào hoạt động trong 2022; đồng thời, đang xúc tiến nhà đầu tư đăng ký xây dựng 02 cơ sở tại thị xã Hoài Nhơn và huyện Hoài Ân.

¹⁸ Công ty chăn nuôi CP, Công ty CJ. Một số công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi hỗ trợ tìm đầu ra cho người chăn nuôi như Công ty Greenfeed, Công ty ANT, Công ty Austfeed.

¹⁹ Công ty San Hà và Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Cao Khanh đã ký kết Bản ghi nhớ đầu tư.

²⁰ Sử dụng thiết bị dò cá bằng sóng siêu âm, máy đo dòng chảy; sử dụng máy thu lưới, thu câu, thiết bị định vị vệ tinh; sử dụng công nghệ khai thác cá ngừ đại dương bằng công nghệ Nhật Bản; sử dụng hệ thống định vị toàn cầu (GPS) giúp quản lý đội tàu khai thác hải sản xa bờ...

²¹ Thành phố Quy Nhơn: 41 tổ/173 tàu; huyện Phù Cát: 80 tổ/344 tàu; huyện Phù Mỹ: 52 tổ/229 tàu; thị xã Hoài Nhơn: 550 tổ/2.132 tàu.

²² Cụ thể: Nuôi cá biển 1.526 lồng/35.900m³ (trong đó nuôi cá lồng tại Quy Nhơn 1.386 lồng/ 27.500m³; cá lồng tại Phù Mỹ 140 lồng/8.400m³). Sản lượng đến nay ước đạt khoảng 85 tấn; nuôi tôm hùm thương phẩm 1.300 lồng/14.000 m³ thu hoạch đến nay 1,0 tấn.

- Nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao: Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Úc-Phù Mỹ đầu tư nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ với diện tích 116,34 ha, Công ty đang tiếp tục xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bước đầu đưa vào sản xuất với năng suất 30 - 40 tấn/ha/vụ. Đã xây dựng thành công mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng BTC-TC ứng dụng công nghệ Semmi Biofloc tại các vùng nuôi tập trung trong tỉnh, đã thành lập được 06 Ban quản lý vùng nuôi với diện tích 170 ha và 01 hợp tác xã nuôi trồng thủy sản để tổ chức sản xuất nuôi tôm nước lợ. Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật nuôi Biofloc, semi Biofloc tại 4 vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh hiện có cho các hộ nuôi.

- Về chế biến và xuất khẩu: Bình Định có 07 Công ty chế biến thủy sản công nghiệp, tập trung chủ yếu ở thành phố Quy Nhơn với tổng công suất khoảng 19.500 tấn/năm. Các sản phẩm chế biến chủ yếu là tôm, các loại cá biển đông lạnh²³.

* Lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035. Đến nay, diện tích trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh là 6.667 ha. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng (FSC) đến nay, có 07 đơn vị²⁴ đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2025; đã có 6.964,27 ha được Tổ chức cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (GFA) cấp chứng chỉ²⁵. Năm 2021, có 02 doanh nghiệp chế biến gỗ²⁶ đang phối hợp với chính quyền địa phương và các chủ rừng lập phương án quản lý rừng bền vững và hồ sơ cấp chứng chỉ rừng FSC với khối lượng khoảng 3.000 ha rừng trồng.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây nuôi cấy mô về giống lâm nghiệp, công suất sản xuất 32 triệu cây giống/năm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; phát hiện sớm các điểm cháy rừng; thống kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp... giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, PCCCR.

Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Thời gian qua, tỉnh đã đầu tư xây dựng và hiện đại hóa trung tâm hậu cần nghề cá Tam Quan, tạo động lực phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa,

²³ Năm 2021, sản lượng chế biến ước đạt 19.728 tấn tăng 36,45% và kim ngạch xuất khẩu ước đạt 101,2 triệu USD, tăng 49,4% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó cá file và các loại cá tươi đông lạnh đạt 18.453 tấn, tăng 37,61%; tôm đông lạnh đạt 1.275 tấn, tăng 21,63% so với cùng kỳ năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng phi lê cá và các loại thịt cá ước đạt 14,8 nghìn tấn, tăng 87,87% và tôm đông lạnh ước đạt 718 tấn, tăng 62,08% so với cùng kỳ năm 2021.

²⁴ Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Quy Nhơn, Sông Côn, Hà Thanh; Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Hoài Ân; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Phù Cát; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Phù Mỹ.

²⁵ Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Quy Nhơn 4.183,67ha; Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Hà Thanh 2.780,6ha.

²⁶ Công ty Cổ phần năng lượng sinh học Phú Tài và Công ty TNHH Lâm nghiệp Thiện Hoàng.

hiện đại hóa²⁷. Ngoài ra, khu neo đậu Tam Quan đang được Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, đầu tư bằng nguồn vốn ODA, tổng mức đầu tư dự kiến là 210 tỷ đồng, để cải tạo, nâng cấp khu neo đậu đảm bảo sức chứa 1.200 tàu; khu neo đậu đầm Đề Gi đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án, với tổng mức đầu tư dự kiến là 320 tỷ đồng để cải tạo, nâng cấp khu neo đậu đảm bảo sức chứa 2.000 tàu.

- Tỉnh đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp 25 hồ chứa bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (vốn ODA, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn ngân sách tỉnh). Đã đưa vào sử dụng nhiều dự án phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai như: Hồ Đồng Mít; dự án sửa chữa, nâng cao an toàn đập WB8, WB5, dự án khắc phục khẩn cấp an toàn hồ đập, dự án Tái thiết sau thiên tai, đập dâng Lão Tâm, đập dâng Cây Kê (Phù Mỹ), đập dâng Tà Loan (An Lão).

- Năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng được 180km và Kế hoạch năm 2022 sẽ thực hiện 198 km; hoàn thành công tác bàn giao các công trình thủy lợi của địa phương về Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác công trình thủy lợi và trình UBND tỉnh phê duyệt 571 điểm giao nhận giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh).

- Năm 2021, tỉnh đã phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn cho 77 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, với tổng kinh phí là 609.920,930 triệu đồng. Năm 2022, đã phân bổ cho 71 dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, với tổng kinh phí 830.649,488 triệu đồng.

- Từ năm 2021 đến nay, đã thu hút được 30 dự án đăng ký đầu tư xây dựng trong các cụm công nghiệp (trong đó: 26 dự án chế biến lâm sản và 04 dự án sản xuất ngư lưới cụ, chi tiết máy) trên địa bàn tỉnh với tổng vốn đầu tư 4.932,19 tỷ đồng, tổng diện tích 87,89 ha.

** Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*

- Đến cuối năm 2021, có 83/113 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 73,4% số xã; có 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 8,43% số xã đạt chuẩn nông thôn mới²⁸. Có 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 45,45%²⁹.

- Hỗ trợ thành lập mới 13 hợp tác xã nông nghiệp chuyên ngành theo sản phẩm, ngành hàng có lợi thế, có vùng nguyên liệu trên cơ sở tự nguyện, có nhu cầu của địa phương. Đã xây dựng 04 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản

²⁷ Cảng cá Tam Quan đã được đầu tư hoàn thành ở khu E bằng nguồn ngân sách thị xã Hoài Nhơn với tổng vốn đầu tư 19,8 tỷ đồng và hoàn thành 163 mét kè đứng ở khu D bằng nguồn ngân sách tỉnh với tổng vốn đầu tư 110 tỷ đồng, đã được UBND tỉnh Bình Định công bố là cảng cá loại II theo Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 và Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố là cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác theo Quyết định số 5014/QĐ-BNN ngày 23/12/2021. Hiện tại các công trình này đang tiếp tục được đầu tư xây dựng, để trong tương lai sẽ nâng cấp cảng cá Tam Quan lên cảng cá loại I.

²⁸ Xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn; xã Hoài Hải, thị xã Hoài Nhơn; xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn; xã Cát Hưng, Cát Minh, huyện Phù Cát; Tây Phú, huyện Tây Sơn và Ân Tín, huyện Hoài Ân.

²⁹ Gồm: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát.

xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản³⁰.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt công nhận 53 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh; trong đó, 01 sản phẩm đạt hạng tiềm năng 5 sao, 05 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 47 sản phẩm đạt hạng 3 sao; lũy kế, đến nay đã công nhận 133 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh; trong đó, 06 sản phẩm đạt hạng tiềm năng 5 sao, 14 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 113 sản phẩm đạt hạng 3 sao. Đồng thời, hỗ trợ 12 sản phẩm đặc trưng của các huyện, thị xã, thành phố đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có gắn với tên địa danh³¹; triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ bắt đầu thực hiện từ năm 2022 với nhiệm vụ “*Xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm mai vàng của tỉnh Bình Định*”.

5.2. Tồn tại, hạn chế.

- Hoạt động tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nói chung, sản phẩm chăn nuôi nói riêng gặp nhiều khó khăn, giá cả không ổn định. Mặt khác, giá thức ăn chăn nuôi ngày càng tăng cao, dẫn đến chi phí chăn nuôi cao, người chăn nuôi ít lãi. Công tác dự báo thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trong nước chưa thực sự hoạt động hiệu quả, gây lúng túng cho công tác định hướng sản xuất chăn nuôi theo từng thời điểm cụ thể tại các địa phương. Giá dầu diesel tăng mạnh so với cuối năm trước đã làm tăng chi phí khai thác thủy sản, nhất là các tàu thuyền đánh bắt xa bờ nên ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập của ngư dân.

- Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp yêu cầu cần có công nghệ phù hợp, vốn đầu tư lớn, năng lực tiếp thu, ứng dụng vào sản xuất nên việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế.

- Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp bước đầu phát triển nhưng vẫn chưa đồng đều giữa các khâu, nhất là đối với sản xuất cây trồng cạn, cây ăn quả. Các loại máy móc hiện đại chưa thể đưa vào ứng dụng do diện tích sản xuất được phân chia theo lô, thửa nhỏ, manh mún, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gặp khó khăn; một số sản phẩm đã có thương hiệu của các hợp tác xã (chủ yếu là trái cây, rau, thực phẩm) gặp khó khăn trong tiêu thụ hàng hóa buộc phải giảm lượng sản xuất do các nhà hàng, khách sạn, điểm du lịch đóng cửa trong thời gian dài.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là một chương trình mới, nên việc

³⁰ Năm 2021: HTXNN Ân Tín, huyện Hoài Ân ứng dụng quy trình canh tác hữu cơ trên cây lúa, diện tích 2,75 ha x 2 vụ/năm, sản lượng bình quân 11 tấn gạo hữu cơ/năm. Sản phẩm “Gạo sản xuất theo hướng hữu cơ” của hợp tác xã đã được đánh giá, phân hạng 3 sao OCOP cấp tỉnh; HTXNN hữu cơ Agribio, huyện Phù Mỹ: Công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động trong sản xuất nấm và phôi nấm (nấm bào ngư Nhật, nấm chân dài, nấm hoàng đế, nấm linh chi); sản lượng bình quân 25.000 bịch phôi nấm/tháng, nấm thành phẩm 1,5 tấn/loại/tháng, trong đó sản phẩm “Nấm Hoàng đế” của HTX đã được đánh giá, phân hạng 3 sao OCOP cấp tỉnh. Năm 2022: HTX nông công thương An Nhơn, thị xã An Nhơn áp dụng công nghệ sản xuất cây trồng hữu cơ trên cây sả Java; HTXNN Hoài Sơn, thị xã An Nhơn áp dụng công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGap trên cây chuối mốc.

³¹ Thị xã Hoài Nhơn 02 sản phẩm, huyện Hoài Ân 03 sản phẩm, huyện Vĩnh Thạnh 02 sản phẩm, huyện An Lão 03 sản phẩm, huyện Tây Sơn 01 sản phẩm, Phù Cát 01 sản phẩm.

triển khai thực hiện bước đầu còn lúng túng, cán bộ quản lý, hướng dẫn thực hiện chủ yếu là kiêm nhiệm, phụ trách nhiều công việc, nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Bộ máy chuyên trách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ tỉnh đến huyện, xã còn thiếu; trong đó, một số địa phương phân công cán bộ chuyên trách nông thôn mới cấp xã chưa đúng quy định nên hiệu quả hoạt động chưa cao. Nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương phân bổ chậm; nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế, nên khó khăn trong việc chủ động triển khai thực hiện một số dự án, chương trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là xây dựng cơ sở hạ tầng và các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất.

5.3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian đến.

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay.

Các sở, ngành và các địa phương đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong đó, tập trung vào công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; ứng dụng công nghệ cao vào kỹ thuật canh tác, kỹ thuật nuôi trồng và xử lý môi trường; hoàn thiện hệ thống tưới trong sản xuất; rà soát, đánh giá lại hiệu quả các chương trình, đề án phát triển sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh...

Tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển giao, nhân rộng các tiến bộ KHKT vào sản xuất thông qua hình thức: Cánh đồng lớn, cánh đồng mẫu lớn... để tạo ra sản phẩm sạch, an toàn gắn với xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất hiệu quả, bền vững. Duy trì, phát triển các dự án cánh đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, lúa giống áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) tại các vùng sản xuất lúa tập trung Tuy Phước, Tây Sơn, An Nhơn, Hoài Nhơn,... phát triển vùng sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGap tại 08 vùng sản xuất rau ở các huyện, thị xã: Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Hoài Nhơn gắn với xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm rau an toàn Bình Định qua hệ thống siêu thị và thị trường trong và ngoài tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với kế hoạch xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh. Ứng dụng công nghệ cao để đầu tư, nâng cấp xây dựng trang trại chăn nuôi heo tự động, khép kín, thân thiện với môi trường; chăn nuôi theo hướng hữu cơ, VietGAHP, tăng tỷ lệ heo lai; phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ, giai đoạn 2021-2025 gắn với phát huy nhãn hiệu “Bò thịt chất lượng cao Bình Định”; tiếp tục ứng dụng công nghệ 4.0 để đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà hiện đại, tiên tiến, tạo

sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm; phát triển chăn nuôi gà thả đồi. Tiếp tục xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng phát triển khai thác xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển và ven biển; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá; chú trọng phát triển chế biến thủy sản. Tiếp tục ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác, bảo quản để nâng chất lượng thủy sản sau khai thác; xây dựng và nhân rộng chuỗi liên kết khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh. Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan để đạt tiêu chuẩn cảng cá loại I; xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầm Đề Gi, huyện Phù Cát đạt quy mô cấp vùng; đầu tư cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá (kho cấp đông bảo quản sản phẩm thủy sản, cơ sở sản xuất cung ứng nước đá sạch ...) tại các cảng cá Quy Nhơn, Đề Gi, Tam Quan Bắc. Kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành. Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi tập trung TC-BTC, tạo điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất.

Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; nâng cao chất lượng rừng trồng, nhất là rừng gỗ lớn. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035; xây dựng các chuỗi liên kết trồng rừng gỗ lớn giữa Doanh nghiệp với các hộ trồng rừng; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho diện tích rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn. Tiếp tục ứng dụng các phần mềm để theo dõi biến động rừng và đất lâm nghiệp, phát hiện sớm cháy rừng để quản lý hiệu quả diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tạo mới nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

Tiếp tục hoàn thiện thủy lợi nội đồng, phát triển thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh; trong đó, ưu tiên hoàn thiện hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động cấp nước cho diện tích chuyên trồng lúa, diện tích các cây trồng cạn chủ lực của tỉnh, vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án: Giải pháp về nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng phía Bắc huyện Phù Mỹ; Quản lý hạn tỉnh Bình Định; tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đồng thời, huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

+ Tập trung nguồn lực, xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đi vào chiều sâu, chất lượng; phối hợp các địa phương hướng dẫn các chủ thể có sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP hoàn thiện hồ sơ, sản phẩm để tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh và tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm 5 sao cấp Trung

ương. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm OCOP; hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm được chứng nhận OCOP.

- Nâng cao năng lực, vai trò, hiệu quả hoạt động của các tổ chức hợp tác của nông dân trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi từ cung cấp dịch vụ đầu vào, bảo quản, chế biến nông sản và tiếp cận thị trường. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; trong đó, tăng cường khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, xác định doanh nghiệp giữ vai trò là trụ cột, nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học, công nghệ, trình độ quản lý vào chuỗi giá trị.

II. CÔNG THƯƠNG, XÂY DỰNG

1. Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ sản xuất công nghiệp của tỉnh vượt qua khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 từ năm 2021 đến nay. Giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển công nghiệp trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

1.1. Việc xây dựng và triển khai thực hiện phương án sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hóa đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả các mặt hàng có thể mất cân đối cung cầu do dịch bệnh Covid-19, chủ động tiến hành rà soát, đánh giá tình hình, dự báo các tình huống có thể xảy ra để kịp thời có biện pháp điều hành hoặc có kiến nghị, đề xuất nhằm bình ổn thị trường góp phần thực hiện thành công trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

Sở Công Thương đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng “Phương án Sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hóa đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh” nhằm đảm bảo duy trì ổn định sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không làm đứt gãy chuỗi cung ứng, sản xuất trên địa bàn tỉnh; đảm bảo hoạt động lưu thông và cung ứng nguyên liệu sản xuất, hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân trong bối cảnh dịch Covid-19.

Kết quả, việc triển khai thực hiện Phương án đã góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất của các DN, người lao động có thể đến nơi làm việc nếu đảm bảo theo các điều kiện, làm giảm việc đứt gãy các chuỗi sản xuất; bên cạnh đó, việc cung ứng và lưu thông hàng hóa thiết yếu phục vụ nhân dân tại các vùng dịch được lưu thông thuận tiện hơn.

1.2. Công tác hỗ trợ tháo gỡ khó khăn của các doanh nghiệp trong bối cảnh dịch Covid-19.

Thực hiện Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh thành lập Tổ Công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các DN, Sở Công Thương đã chủ động nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tổng hợp 350 lượt kiến nghị thuộc 6 nhóm vấn đề của 55 Hiệp hội, DN phản ánh. Trong đó, kiến nghị thuộc thẩm quyền

giải quyết của các Sở, ban, ngành và địa phương 44 nội dung với 183 lượt kiến nghị; thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh 07 nội dung với 18 lượt kiến nghị; thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương 26 nội dung với 149 lượt kiến nghị.

Kết quả, các nội dung kiến nghị đã được giải quyết với các nội dung chính như sau: Tiêm vắc xin cho người lao động tại các DN trên địa bàn tỉnh; ban hành và hướng dẫn về quy trình bóc tách F0, F1 khỏi môi trường làm việc giúp DN ổn định, sớm sản xuất trở lại; hỗ trợ chi phí xét nghiệm cho người lao động trong sản xuất 3 tại chỗ; hỗ trợ công tác y tế trong test nhanh kháng nguyên thông qua chi phí BHYT do nhà nước hỗ trợ và kinh phí phục vụ công tác phòng chống Covid-19; thực hiện đồng bộ chính sách lưu thông hàng hóa, hạn chế đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên vật liệu, đặc biệt từ các tỉnh/ thành phía Nam; tạo điều kiện cho người lao động được đi làm trở lại; có chính sách quy định giảm giá điện, nước; tạm dừng thu các khoản kinh phí công đoàn, bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp...; triển khai hướng dẫn hồ sơ, thủ tục các gói hỗ trợ DN, người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 116/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ...; ban hành và hướng dẫn quy định các điều kiện an toàn/ các phương án sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 tương ứng với các mức độ nguy cơ khi có yếu tố dịch tễ... Nhìn chung, hầu hết các khó khăn, vướng mắc của DN được tháo gỡ, giải quyết kịp thời và được các Hiệp hội, DN ghi nhận, đánh giá rất tích cực.

1.3. Kết quả kiểm tra công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo thành lập Đoàn công tác làm việc với doanh nghiệp. Từ ngày 17-19/5/2021, Đoàn công tác đã làm việc với 40 DN. Qua làm việc với các DN sản xuất sử dụng nhiều lao động trên địa bàn tỉnh (lĩnh vực may mặc, giày da, sản xuất, chế biến đá, công nghiệp hỗ trợ...), Đoàn công tác đã tiến hành rà soát, kiểm tra việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch của DN; nhắc nhở, đề nghị các DN, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định, cụ thể: Thực hiện đánh giá nguy cơ lây nhiễm theo hướng dẫn tại Quyết định số 2194/QĐ-BCĐQG ngày 27/5/2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia, cập nhật mức độ an toàn lên Bản đồ chung sống an toàn với Covid-19; bố trí lại phòng cách ly tạm thời riêng biệt ngoài phạm vi văn phòng, khu làm việc; đảm bảo đầy đủ trang bị phòng chống dịch theo quy định của Bộ Y tế; xây dựng phương án “03 tại chỗ” hoặc “1 cung đường, 2 điểm đến” theo hướng dẫn của Sở Công Thương, trình UBND huyện, thị xã, thành phố phê duyệt để chủ động triển khai thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tăng cường thông tin truyền thông, treo, dán áp phích về phòng chống dịch, thông báo về đầu mối liên lạc đường dây nóng của cơ quan y tế và của cán bộ phụ trách y tế rộng rãi tại đơn vị; tiếp tục duy trì các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 tại đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Y tế, duy trì xét nghiệm test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 cho người lao động...

1.4. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên lĩnh vực Công Thương.

a) Về hỗ trợ sản xuất, phát triển sản phẩm

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (*gọi tắt là cơ sở CNNT*) phải hoạt động ngưng trệ, Ngành Công Thương đã chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại phối hợp chặt chẽ với phòng Kinh tế /Kinh tế - Hạ tầng các địa phương hỗ trợ các cơ sở CNNT xây dựng các đề án khuyến công phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở; đảm bảo nguồn kinh phí khuyến công được hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích và đạt hiệu quả cao nhất.

Trong năm 2021, các cấp có thẩm quyền phê duyệt 29 chương trình, đề án khuyến công với tổng kinh phí hỗ trợ 4.452 triệu đồng; trong đó, có 25 đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với kinh phí hỗ trợ 3.970 triệu đồng, chiếm 90% tổng kinh phí hỗ trợ. Mặc dù tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các cơ sở CNNT, nhưng các cơ sở vẫn quyết tâm đầu tư máy móc thiết bị và đưa vào hoạt động để phục hồi sản xuất, kinh doanh. Kết quả các cơ sở CNNT chủ yếu sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ chiếm trên 65%; sản phẩm sản xuất ra đã được cải tiến, nâng cao chất lượng, mẫu mã đáp ứng yêu cầu của thị trường tiêu thụ; doanh thu của các cơ sở CNNT tạo ra hàng năm ước đạt 216.967 triệu đồng; đóng góp vào ngân sách địa phương trên 1.310 triệu đồng; giải quyết việc làm cho 249 lao động nông thôn; sản lượng sản xuất tăng thêm 5.116 tấn lương thực, thực phẩm, 45.730 lít dầu, 1.070 m³ gỗ, 11.200 bộ sản phẩm bàn ghế từ gỗ, wicker, 220.000 m² VLXD các loại (*đá granite ốp lát, cửa nhôm, kính xây dựng...*). Trong 10 tháng năm 2022, các cấp thẩm quyền phê duyệt 37 chương trình, đề án khuyến công với tổng kinh phí hỗ trợ 5.420 triệu đồng; trong đó, có 28 đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với kinh phí hỗ trợ 4.635 triệu đồng, chiếm 85% tổng kinh phí hỗ trợ.

b) Hỗ trợ phát triển thị trường

Năm 2021:

Để kết nối phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng sau thời gian bị gián đoạn bởi dịch Covid-19, Sở Công Thương đã kêu gọi các doanh nghiệp, siêu thị trên địa bàn tỉnh tham gia hưởng ứng tháng khuyến mại tập trung quốc gia năm 2021 nhằm đẩy mạnh các hoạt động phục hồi sản xuất, kinh doanh an toàn, thông suốt của doanh nghiệp trong điều kiện bình thường mới, kết nối hiệu quả giữa sản xuất và tiêu thụ, thúc đẩy tiêu dùng nội địa, thúc đẩy tăng trưởng tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung, giúp các doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần phục hồi kinh tế xã hội.

Đồng thời, phối hợp với các địa phương, đơn vị triển khai nhiều hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ cho các DN, cơ sở, HTX trong việc quảng bá, giới thiệu các sản phẩm chất lượng, an toàn, đạt các tiêu chuẩn OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại các kỳ hội chợ, phiên chợ hàng Việt về nông thôn...; triển khai xây dựng 02 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại Quy Nhơn và Hoài Nhơn nhằm tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP của tỉnh thông qua việc xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các địa phương, qua đó giúp các sản phẩm OCOP Bình Định được tiếp cận rộng rãi với người tiêu dùng trong và

ngoài tỉnh, từ đó góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại thị trường trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Trong năm 2021, Sở Công Thương đã phối hợp với các tỉnh, thành Hà Nội, Vĩnh Long, Hậu Giang, Tây Ninh, Sóc Trăng đã tổ chức Hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm Bình Định với các tỉnh, thành phố năm 2021 tại Thành phố Quy Nhơn theo hình thức vừa trực tiếp và trực tuyến, Hội nghị đã giới thiệu, trưng bày các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, sản phẩm đạt chứng nhận CNNT tiêu biểu, đạt chứng nhận OCOP cấp tỉnh để tìm kiếm sản phẩm, đối tác giao thương tại các tỉnh như Vĩnh Long, Hậu Giang, Tây Ninh, Sóc Trăng Hà Nội và các tỉnh khác.

Năm 2022:

- *Hoạt động phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” với kinh phí 321 triệu đồng (nguồn tỉnh 171 triệu đồng, nguồn trung ương 150 triệu đồng) để thực hiện 04 nội dung:* (1) Tổ chức Hội nghị Kết nối cung - cầu hàng Việt Nam tại tỉnh Bình Định năm 2022 với hơn 250 đại biểu tham dự của 18 tỉnh, thành phố, 110 DN sản xuất, 20 DN siêu thị và nhà phân phối, 05 DN kinh doanh sàn TMĐT, hơn 10 cửa hàng bán sản phẩm đặc sản của tỉnh; (2) Tổ chức đoàn DN tham gia kết nối cung cầu tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Lạng Sơn; (3) Xây dựng chuyên mục “Tự hào hàng Việt Nam” trên Báo Bình Định và Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Định; (4) Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng xúc tiến thương mại (phân phối hàng hóa, xây dựng thương hiệu, kết nối cung cầu...).

- *Hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước với kinh phí ~1.442 triệu đồng để thực hiện 07 nội dung:* (1) Tổ chức 02 Phiên chợ Hàng Việt về miền núi Vĩnh Thạnh và An Lão; (2) Tổ chức 02 Phiên chợ Hàng Việt về nông thôn Hoài Nhơn và Hoài Ân; (3) Tổ chức 02 lượt Gian hàng chung tại HCTL, kết nối cung cầu tại Đà Nẵng và Lâm Đồng; (4) Tổ chức 02 Hội nghị tập huấn về Kỹ năng xây dựng kênh phân phối sản phẩm và Vận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan theo Hiệp định EVFTA; (5) Hỗ trợ 10 DN tham gia HCTL ngoài tỉnh và 10 DN tham gia HCTL trong tỉnh; (6) Tổ chức Khu gian hàng triển lãm Bình Định - Hàn Quốc; (7) Tham gia gian hàng tại HCTL hàng CNNT tiêu biểu MT-TN tại Ninh Thuận, HCTL Vietnam Expo 2022 tại Hà Nội, HCTL quốc tế ngành Thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh...

- *Hoạt động hỗ trợ phát triển TMĐT với tổng kinh phí 962 triệu đồng (nguồn tỉnh 762 triệu đồng, nguồn trung ương 200 triệu đồng) để thực hiện 08 nội dung:* (1) tổ chức 02 Hội nghị Tập huấn phổ biến kiến thức về TMĐT; (2) Hỗ trợ 10 DN xây dựng Website TMĐT; (3) Hỗ trợ 10 DN áp dụng các giải pháp công nghệ số (mã vạch, mã QR code, chip NFC, blockchain...) để truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm; (4) Tổ chức điều tra, thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng CNTT, TMĐT trên địa bàn tỉnh; (5) Duy trì và nâng cấp Website TMĐT kết nối giao thương giữa Bình Định và các tỉnh phía Nam nước Lào (VietLao.vn); (6) Cung cấp, cập nhật thông tin về tiềm năng xuất khẩu của tỉnh và danh bạ DN xuất nhập khẩu trên cổng thông tin xuất khẩu Việt Nam - Vietnamexport; (7) tổ chức Hội nghị tập huấn và kết nối TMĐT DN Bình Định và các tỉnh Miền Trung năm 2022; (8) hỗ trợ Bộ các công cụ: website, hệ thống Email, Fanpage trên Facebook, Landing Page cho các DN sản xuất kinh doanh các mặt hàng đặc sản, đặc trưng miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo trên địa bàn

các huyện: Vĩnh Thạnh, An Lão, Vân Canh và thành phố Quy Nhơn.

- *Hoạt động hỗ trợ phát triển hàng xuất khẩu với kinh phí 251 triệu đồng để thực hiện 04 nội dung:* (1) Tổ chức Hội nghị phổ biến thông tin liên quan đến các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA; (2) Tổ chức gian hàng tham gia Hội chợ triển lãm quốc tế các sản phẩm xuất khẩu tại tỉnh Lào Cai; (3) Hội nghị phổ biến các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến dịch vụ logistics; (2) Xây dựng báo cáo đánh giá hoạt động logistics và khuyến nghị giải pháp phát triển cho năm tiếp theo.

- *Hoạt động hưởng ứng Ngày Thương hiệu Việt Nam 20/4 với kinh phí 108 triệu đồng để thực hiện 04 nội dung:* (1) Tổ chức tham gia giới thiệu sản phẩm OCOP, CNNT tiêu biểu của tỉnh tại Hội chợ triển lãm tại tỉnh Gia Lai; (2) Xây dựng cẩm nang giới thiệu, quảng bá các sản phẩm OCOP; (3) tuyên truyền trực quan Ngày 20/4 bằng cờ phướn trên các tuyến đường chính tại thành phố Quy Nhơn.

1.5 Đánh giá chung.

a) Những mặt đạt được

- Các ngành, các địa phương đã thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tập trung hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực tạo ra giá trị cao trong sản xuất công nghiệp; đã chủ động làm việc với các DN sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực ngành công thương, qua đó đã nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN ổn định sản xuất kinh doanh.

- Chỉ số SXCN năm 2022 có mức tăng trưởng khá. Một số ngành CN hoạt động hiệu quả, tiếp tục có bước phát triển như sản xuất và phân phối điện, thủy sản, sản xuất đồ uống, nước giải khát, chế biến dăm gỗ, viên nén gỗ... Hoạt động xuất khẩu có quy mô và tốc độ tăng cao hơn so với năm trước; một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực, đặc biệt là nhóm hàng thủy sản, nông sản, lâm sản... luôn chiếm tỷ trọng KNXK ở mức cao; các thị trường xuất khẩu truyền thống vẫn được giữ vững, hầu hết thị trường xuất khẩu các các nước EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và một số nước trong khu vực Đông Nam Á...

- Công tác khuyến công được hướng dẫn, triển khai thực hiện đảm bảo thời gian quy định của UBND tỉnh và Bộ Công Thương; tổng kinh phí khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương năm 2022 được phê duyệt hỗ trợ 5.220 triệu đồng, tăng 17,3% so với năm 2021 đã góp phần hỗ trợ DN kịp thời phục hồi và phát triển SXKD.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã tác động lớn đến tình hình hoạt động SXKD trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tình hình xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn đã ảnh hưởng giá cả nguyên, nhiên, vật liệu, xăng dầu, cước, phí vận chuyển hàng hóa tăng cao, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu... Hầu hết các ngành SXKD chịu ảnh hưởng về đầu vào do thiếu hụt nguồn nguyên liệu hoặc đầu ra do sụt giảm nhu cầu tiêu dùng trong nước và quốc tế. Một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh có chỉ số sản xuất giảm hoặc tăng trưởng thấp so cùng kỳ, đặc biệt là ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm tấm lợp bằng kim loại, cấu

kiện thép; chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ.

- Phần lớn doanh nghiệp trong tỉnh là doanh nghiệp nhỏ, lợi ích của công tác xúc tiến thương mại chưa được doanh nghiệp quan tâm; sản phẩm hàng hoá trong tỉnh đa dạng, phong phú nhưng chất lượng chưa ổn định; mẫu mã, bao bì chậm đổi mới và đa số chưa xây dựng nhãn hiệu và thương hiệu... không đảm bảo một số điều kiện để xúc tiến thương mại.

- KNXXK có xu hướng chuyển dịch tăng, tuy nhiên, phần lớn sản phẩm xuất khẩu vẫn là những sản phẩm thô, sản xuất gia công chủ yếu như các sản phẩm nông sản (sắn lát), lâm sản (dăm gỗ), gia công (may mặc, đồ gỗ ngoài trời,...) ... sức cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế; công tác dự báo, cảnh báo tác động và nguy cơ của những yếu tố bên ngoài về tình hình kinh tế trong và ngoài nước; định hướng thị trường cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa kịp thời.

1.6 Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới.

- Chủ động phối hợp các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng và nâng cao hiệu quả hoạt động các CCN, tạo điều kiện về mặt bằng sạch thuận lợi trong thu hút đầu tư, nhất là các CCN đang đầu tư xây dựng dở dang. Khuyến khích, hỗ trợ mời gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN; tham mưu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Công ty Điện lực Bình Định rà soát, đảm bảo nguồn cung phục vụ hoạt động SXCN; giải quyết khó khăn, kiến nghị của các Hiệp hội, doanh nghiệp về nội dung có liên quan đến việc không sử dụng đủ công suất và sản lượng điện theo cam kết, nhất là các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bình Định tăng cường hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận vốn vay ưu đãi để ổn định hoạt động sản xuất.

- Theo dõi, nắm bắt tình hình thực hiện các đơn vị trong quá trình triển khai đề án khuyến công năm 2022; Tổ chức khảo sát, thẩm định ngừng, điều chỉnh, bổ sung các đề án khuyến công địa phương năm 2022 đạt hiệu quả; Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các đề án khuyến công; tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công khi đảm bảo các điều kiện quy định, phân đầu hoàn thành 100% kế hoạch kinh phí khuyến công được giao năm 2022, tạo động lực phát triển trong năm 2023.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách đã được ban hành; triển khai có hiệu quả Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 góp phần đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản; mở rộng quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại..., nâng cao năng lực cạnh tranh. Khảo sát, thẩm định cấp cơ sở các đề án khuyến công

quốc gia năm 2023 nhằm tranh thủ sự hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp ở nông thôn trên địa bàn tỉnh

2. Báo cáo, đánh giá kết quả triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Dự báo nhu cầu nhà ở xã hội đến năm 2025 và đề xuất các giải pháp đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội cho các đối tượng, nhất là các đối tượng chính sách, công nhân, hộ nghèo...

Kết quả triển khai thực hiện:

2.1. Kết quả thực hiện:

Theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019, Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 01/4/2020, Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 04/6/2020, Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020 và bổ sung giai đoạn 2021 – 2025, dự kiến phát triển khoảng 19.736 căn/nhà ở (trong đó: nhà ở xã hội tại đô thị là 17.586 căn/nhà, nhà ở xã hội cho công nhân là 2.150 căn/nhà).

Đến thời điểm hiện tại đã kêu gọi, lựa chọn chủ đầu tư, đã và đang đầu tư khoảng 10.747 căn hộ, với diện tích sàn sử dụng khoảng 653.457m², trong đó: đã bàn giao đưa vào sử dụng 07³² dự án dựng (kể cả dự án Nhà ở xã hội – Cao ốc Long Thịnh tại số 08 Tổng Phước Phổ, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn) với 2.613 căn hộ, diện tích 165.510m²; đang triển khai 05³³ dự án với 2.903 căn hộ, diện tích 157.211m²; đang lập thủ tục đầu tư xây dựng 08³⁴ dự án với khoảng 5.231 căn hộ, diện tích 326.737m².

2.2. Nhiệm vụ giải pháp trọng tâm thời gian tới

Để thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội cho công nhân, người thu nhập thấp theo Văn bản số 242/TB-VPCP ngày 10/8/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội cho công nhân, người thu nhập thấp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt một số nội dung sau:

a) Sở Xây dựng:

- Rà soát quy hoạch, tính toán nhu cầu phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh, đề xuất bố trí quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân gắn với khu

³² Dự án Nhà ở xã hội – Cao ốc Long Thịnh với 480 căn, dự án Nhà ở xã hội Phú Mỹ - Quy Nhơn với 237 căn, dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh (Lamer1) với 486 căn, dự án Nhà ở xã hội – Chung cư Hoàng Văn Thụ với 384 căn, dự án Nhà ở xã hội - Chung cư Hoàng Văn Thụ (phần mở rộng) với 255 căn, dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình (giai đoạn 1) với 467 căn; dự án Chung cư nhà ở xã hội An Phú Thịnh (Block A) với 304 căn.

³³ Dự án Nhà ở xã hội Nam Ngân với 193 căn, dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình (giai đoạn 2) với 892 căn, dự án Chung cư nhà ở xã hội An Phú Thịnh (Block B) với 622 căn, Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 với 854 căn, dự án Khu chung cư nhà ở xã hội tại Khu C thuộc Khu đô thị -Thương mại Bắc sông Hà Thanh (Khu đô thị Đại Phú Gia) với 342 căn.

³⁴ Dự án Khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn với 326 căn, dự án Khu nhà ở xã hội phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn với 766 căn, dự án Khu nhà ở xã hội tại phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn với 139 căn, dự án Nhà ở xã hội Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn với 828 căn, dự án Nhà ở xã hội Hàng Hải Bình Định, phường Hải Cảng với 750 căn, dự án Nhà ở xã hội Pisco, phường Trần Quang Diệu với 321 căn, dự án Thiết chế công đoàn tại Bình Định, phường Trần Quang Diệu với 1.352 căn, dự án Khu nhà ở xã hội Vạn Phát, phường Trần Quang Diệu với 749 căn.

công nghiệp theo đúng quy định pháp luật, thực hiện nghiêm quy định dành quỹ đất 20% trong các dự án nhà ở, khu đô thị và đảm bảo nhu cầu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trên địa bàn tỉnh; công khai, giới thiệu quỹ đất đầu tư nhà ở xã hội trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và của Sở Xây dựng để cho các doanh nghiệp nghiên cứu, đề xuất đầu tư.

- Chủ động đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo kế hoạch phát triển nhà ở đã phê duyệt, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để làm cơ sở đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư theo quy định. - Nhanh chóng, kịp thời, rút ngắn thời gian thẩm định quy hoạch, góp ý thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế, cấp giấy phép xây dựng để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội sớm triển khai.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (nếu có) đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đã phê duyệt, đồng thời đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% của các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị theo tiến độ đã được phê duyệt; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật trong việc thực hiện pháp luật về phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân trên địa bàn tỉnh, trong đó có việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thu hồi khu đất đã cho Công ty Điện lực Bình Định thuê tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh, thu hồi khu đất của Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn theo Quyết định số 3714/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 để làm cơ sở tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội theo quy định; rút ngắn thời gian đề xuất việc giao đất, xác định giá đất để tạo điều kiện các chủ đầu tư sớm triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

c) Ban Quản lý khu kinh tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch (nếu có) đối với các khu công nghiệp đã cơ bản được đầu tư hoàn thiện hạ tầng thiết yếu và thu hút lấp đầy đất công nghiệp (Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa), các khu công nghiệp đã và đang lập quy hoạch chi tiết, đang triển khai công tác bồi thường GPMB, kêu gọi chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Hòa Hội, Cát Trinh, Bình Nghi, Bồng Sơn, Long Mỹ 2, ...) để bổ sung, dành quỹ đất phù hợp phát triển nhà ở xã hội cho công nhân theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

d) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Định: Tiếp tục thực hiện tốt cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội theo quy định.

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thường xuyên tổ chức khảo sát, đánh giá,

báo cáo nhu cầu nhà ở xã hội, nhà ở xã hội của công nhân, người thu nhập thấp trên địa bàn; phê duyệt quy hoạch làm cơ sở xác định quỹ đất nhà ở xã hội; tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 đối với danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội kèm theo Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2020- 2025, Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 đã phê duyệt; cung cấp các thông tin này về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh.

III. VỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Báo cáo đánh giá về công tác kiểm tra, kiểm soát tình trạng xe quá tải lưu thông trên các tuyến đường, các điểm đen tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay. Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục tình trạng này trong thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

1. Về công tác kiểm tra, kiểm soát tình trạng xe quá tải lưu thông trên các tuyến đường và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục tình trạng này trong thời gian đến:

1.1. Tình hình thực hiện công tác kiểm soát tải trọng xe (KSTTX):

Thời gian qua, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp KSTTX, duy trì thường xuyên công tác KSTTX trên 3 tuyến Quốc lộ nhận ủy thác quản lý và 11 tuyến đường tỉnh. Bên cạnh đó cùng với sự vào cuộc tích cực của Công an tỉnh, các ngành, địa phương trong toàn tỉnh, công tác kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải đường bộ đạt được kết quả tích cực, được xã hội đồng thuận.

Sở GTVT đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp với Văn phòng Ban ATGT, Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố Quy Nhơn tổ chức cho tất cả các doanh nghiệp vận tải hàng hóa tại các cảng biển ký cam kết chấp hành bốc, xếp, vận chuyển hàng hóa đúng tải trọng cho phép. Việc làm này đã tạo ra sự chuyển biến tích cực về ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp, nhất là của các doanh nghiệp vận tải, chủ xe, lái xe, chủ hàng, đơn vị bốc xếp hàng hóa trên địa bàn tỉnh nắm rõ chủ trương KSTTX, quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hóa, tác hại của việc vận chuyển hàng hóa vượt quá tải trọng cho phép, quy định về xử phạt vi phạm tải trọng xe. Công tác tuyên truyền về KSTTX đã được các doanh nghiệp vận tải hàng hóa, đơn vị bốc xếp hàng hóa và nhân dân đồng tình, ủng hộ; các doanh nghiệp vận tải, đơn vị bốc xếp hàng hóa đã chủ động KSTTX nội bộ, tuyên truyền, vận động, giáo dục đội ngũ lái xe chấp hành pháp luật không chở hàng quá tải lưu thông trên đường... góp phần ổn định tình hình vận tải hàng hóa, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo trật tự ATGT trên địa bàn toàn tỉnh.

Kết quả từ đầu năm 2022 đến nay: Thanh tra Sở GTVT đã kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính 772 trường hợp vi phạm tải trọng xe, xử phạt 1,7 tỷ đồng, tước quyền sử dụng có thời hạn 10 giấy phép lái xe, 09 phù hiệu xe ô tô, 09 tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe ô tô. Sở GTVT và Công an tỉnh xây dựng Kế hoạch mở đợt cao điểm KSTTX liên ngành từ ngày 06/7/2022 - 31/8/2022, lực lượng liên ngành gồm: CSGT, Thanh tra Sở GTVT và Trung tâm Đăng kiểm phương tiện

giao thông đường bộ đã kiểm tra, xử phạt 150 trường hợp vi phạm/1,734 tỷ đồng, tước quyền sử dụng có thời hạn 56 giấy phép lái xe, 22 phù hiệu xe ô tô, 18 tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

1.2. Đánh giá chung:

Công tác KSTTX đã được triển khai thực hiện kiểm tra, xử lý quyết liệt, kết quả đạt được rất tích cực, nhất là hiệu quả trong đợt cao điểm Quý II/2022 giữa Thanh tra giao thông và Cảnh sát giao thông. Đến nay, tình trạng phương tiện coi nới thành thùng xe, chở hàng vượt quá tải trọng, quá khổ giới hạn cơ bản đã được kiểm chế, giảm mạnh trên 90% so với trước đây cả về số lượng và mức độ vi phạm. Hầu hết chủ xe đều tự giác tháo bỏ phần thành thùng coi nới trái phép, chở hàng đúng tải trọng cho phép; chỉ còn một số ít xe vận chở hàng quá tải lén lút hoạt động vào ban đêm, vùng sâu, vùng xa ở một số huyện, khu vực nông thôn, chủ yếu vận chuyển vật liệu xây dựng đất, cát thi công các dự án, công trình và xe trung chuyển hàng hóa giữa các kho, bãi có cự ly ngắn khi không có lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý.

1.3. Một số giải pháp trong thời gian đến:

Nhằm thực hiện đồng bộ công tác KSTTX trong thời gian đến, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải và các Sở, ngành, địa phương cùng phối hợp thực hiện tốt một số nội dung, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải

- Tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan truyền thông tuyên truyền sâu rộng công tác KSTTX bằng nhiều hình thức để chuyển tải các quy định về vận tải hàng hóa bằng đường bộ đến người dân, doanh nghiệp nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tạo sự đồng thuận trong xã hội về công tác KSTTX.

- Chỉ đạo các lực lượng thuộc Sở thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp trọng tâm về công tác kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 25/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “Tăng cường công tác kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông” và chỉ đạo của Bộ GTVT cũng như của UBND tỉnh.

- Duy trì thường xuyên công tác KSTTX phù hợp với tình hình thực tế; nêu cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả công tác KSTTX.

- Quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép kinh doanh, phù hiệu xe ô tô, giấy phép lưu hành đặc biệt cho phương tiện vận chuyển hàng quá khổ, quá tải; tăng cường theo dõi, trích xuất dữ liệu trên thiết bị giám sát hành trình để xử lý nghiêm các đơn vị vận tải vi phạm tải trọng xe.

- Chỉ đạo các đơn vị kiểm định phương tiện giao thông đường bộ cương quyết không kiểm định đối với các phương tiện coi nới thành thùng xe để chở quá tải; phối hợp lực lượng chức năng hậu kiểm, xử lý các trường hợp vi phạm về coi nới thành thùng xe; cập nhật, cảnh báo những trường hợp vi phạm không chấp hành xử lý của lực lượng chức năng.

b) Công an tỉnh: chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông tăng cường tuần tra, kiểm

soát xử lý vi phạm về tải trọng xe trên các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh; Công an các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên kiểm tra xử lý vi phạm về tải trọng xe trên các tuyến đường địa phương thuộc địa bàn quản lý; Phòng CSGT, công an các huyện phối hợp, hỗ trợ Thanh tra Sở GTVT trong công tác KSTTX trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài nguyên và môi trường: Tăng cường kiểm tra các mỏ khai thác khoáng sản, trong đó có nội dung yêu cầu các mỏ khai thác khoáng sản lắp đặt camera, cân trọng tải xe; chấp hành bốc hàng hóa lên xe đúng tải trọng cho phép, cung cấp thông tin, hình ảnh phương tiện vận chuyển hàng hóa quá tải cho lực lượng chức năng, kiểm tra xử lý. Đề xuất thu hồi giấy phép hoạt động đối với các chủ mỏ có tình vi phạm theo quy định.

d) Văn phòng Ban ATGT tỉnh: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng các quy định của pháp luật về KSTTX trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường hiệu quả KSTTX; khảo sát lắp đặt camera theo dõi, giám sát ATGT, xử lý vi phạm trật tự ATGT trên các tuyến đường, khu vực có phương tiện vi phạm trật tự ATGT, xe chở quá tải.

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo các lực lượng tổ chức KSTTX trên các tuyến đường thuộc phạm vi địa phương, tăng cường quản lý phương tiện của các doanh nghiệp trên địa bàn; tổ chức giám sát việc bốc dỡ hàng hóa, vật liệu tại các bãi, mỏ vật liệu, kho hàng, công trường xây dựng... xử lý vi phạm về tải trọng xe theo thẩm quyền; các Ban QLDA thuộc UBND cấp huyện yêu cầu các nhà thầu thi công không sử dụng xe cơi nới thành thùng xe để vận chuyển vật liệu, thiết bị vượt quá tải trọng cho phép thi công các dự án, công trình, có biện pháp xử lý theo quy định, phối hợp các đơn vị chức năng xử lý vi phạm về tải trọng xe.

2. Về công tác xử lý các điểm đen tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục tình trạng này trong thời gian đến:

Trong giai đoạn 2021 – 2022, UBND tỉnh, Sở GTVT đã triển khai đầu tư nâng cấp, cải tạo khắc phục các vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, các vị trí bất cập hạ tầng, thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường tỉnh. Đến thời điểm hiện tại, Sở GTVT đã đầu tư xây dựng, cải tạo các vị trí điểm đen, các điểm gây mất an toàn, với quy mô chính là gia cố lề, mở rộng mặt đường bằng kết cấu BTXM; xây dựng nâng cao hệ thống an toàn giao thông tại các vị trí này với giải pháp bố trí bổ sung các vạch sơn gờ giảm tốc, gắn đinh phản, xây dựng, lắp đặt các hệ thống biển báo nhằm đảm bảo giao thông.

Trong kế hoạch năm 2022, Sở GTVT đã tổ chức triển khai đầu tư xây dựng các công trình như: Xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tại vị trí từ Km9+028 – Km9+261,50 trên tuyến ĐT.637 (*vị trí nguy hiểm, thường xuyên xảy ra tai nạn trong thời gian qua*); Xử lý tồn tại về hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh theo kiến nghị của cử tri và địa phương năm 2022; Xây dựng khắc phục các điểm bất cập về hạ tầng giao thông trên tuyến đường ĐT.633 (Chợ Gồm - Đê Gi) và lắp đặt bổ sung các biển báo tại khu vực nút giao thông QL.19 mới (đường Võ Nguyên Giáp - Quốc lộ 19 mới - Nhơn Hội) thành phố Quy Nhơn. Đến nay, các công trình trong kế hoạch năm 2021 và 2022 đã cơ

bản được tổ chức triển khai thi công hoàn thành, phát huy hiệu quả trong việc xử lý khắc phục các vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn, điểm bất cập hạ tầng giao thông, đã giảm thiểu các nguy cơ gây tai nạn giao thông cho người và phương tiện khi tham gia giao thông trên các tuyến đường.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GTVT tiếp tục phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra, đề xuất xử lý khắc phục các bất cập về hạ tầng giao thông, an toàn giao thông, xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến đường trên địa bàn tỉnh theo đúng thẩm quyền quy định.

IV. VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Báo cáo đánh giá thực trạng, kết quả nổi bật đạt được trong công tác bảo vệ môi trường tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh thời gian qua. Các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục tình trạng này trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thời gian qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, các hội đoàn thể và các địa phương, công tác bảo vệ môi trường (BVMT) trên địa bàn toàn tỉnh (nói chung) và tại khu vực nông thôn (nói riêng) đã triển khai các quy định của pháp luật về BVMT, các nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, các Chỉ thị, Kế hoạch của UBND tỉnh; qua đó, công tác BVMT trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến rõ nét, từng bước tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường khu vực nông thôn. Một số kết quả trong công tác bảo vệ môi trường khu vực nông thôn như sau:

1. Về tổ chức thực hiện công tác quản lý môi trường nông thôn

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, ngày 07/4/2017, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU; trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy. Trong Kế hoạch đã xác định một số chỉ tiêu cụ thể đối với công tác BVMT khu vực nông thôn trong giai đoạn 2021-2030, chú trọng nâng cao tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải (đến năm 2030 đạt 70%), tăng cường xử lý chất thải từ hoạt động chăn nuôi (100% số trang trại có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu) và 100% làng nghề đạt yêu cầu về thu gom và xử lý chất thải.

Đồng thời, để thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 20/7/2017 về việc tăng cường công tác BVMT nông thôn trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 08/02/2021 triển khai thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; phấn đấu đến hết năm 2025, 100% số xã được đơn vị có chức năng thu gom rác thải.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phải xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường công tác thu gom, vận chuyển và xử

lý chất thải rắn nông thôn (theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017); xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, các cấp, các ngành, hội đoàn thể cùng với chính quyền địa phương vận động nhân dân thực hiện công tác BVMT trong cộng đồng; trong đó chú trọng công tác vệ sinh đường làng, ngõ xóm, không vứt rác bừa bãi, cải tạo cảnh quan, thu gom rác thải nơi công cộng, xây dựng đường hoa, trồng cây xanh

Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ động triển khai đồng bộ công tác BVMT nông thôn. Trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có công văn 1503/STNMT-CCBVMT ngày 10/6/2022 và công văn 2132/STNMT-CCBVMT ngày 12/8/2022 hướng dẫn các địa phương thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện tiêu chí môi trường tại 12 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh trong năm 2022.

Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã biên soạn và phát hành tài liệu hướng dẫn công tác quản lý nhà nước trong hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đồng bộ công tác quản lý môi trường chăn nuôi; tham gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình xây dựng Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi.

2. Kết quả đạt được

Thông qua việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh, cùng với sự chủ động trong công tác phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và các địa phương, đã tạo sự chuyển biến tích cực và hạn chế thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, cụ thể:

Trong công tác quản lý rác thải, đến nay đã có 88,7% số xã có dịch vụ thu gom rác thải tập trung; tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn đạt khoảng 50%, trong đó các xã đạt chuẩn nông thôn mới đều đạt trên 50% rác thải phát sinh được thu gom, xử lý. Có 07 địa phương (Hoài Ân, An Lão, Tuy Phước, Vân Canh, Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Nhơn) đã xây dựng Đề án tăng cường năng lực thu gom rác thải khu vực nông thôn trên địa bàn và có 8 địa phương (Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Ân, An Lão, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Tuy Phước) đã được UBND tỉnh ban hành giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

Trên địa bàn tỉnh, 100% cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung và khoảng 65% hộ gia đình chăn nuôi có đầu tư công trình biogas. Hiện nay, chăn nuôi quy mô trang trại, ứng dụng công nghệ cao ngày càng phổ biến, nhiều trang trại đã đầu tư công nghệ nuôi chuồng lạnh, đệm lót sinh học,... và đầu tư hệ thống xử lý nước thải sau biogas, sử dụng các chế phẩm sinh học để hạn chế mùi hôi, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đến nay, toàn tỉnh có 24.000 công trình biogas, 16 trang trại có hệ thống xử lý

nước thải quy mô lớn với tổng công suất khoảng 2.000 m³/ngày.

Thông qua việc thực hiện Chương trình nông thôn mới, các địa phương trên toàn tỉnh đã đầu tư lắp đặt 13.319 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên đồng ruộng; nhiều địa phương đã xây dựng các kho lưu chứa tập trung bao bì thuốc bảo vệ thực vật và ký hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý nhằm giảm thiểu đáng kể tình trạng ô nhiễm môi trường từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Trong năm 2021, đã có 45 xã, phường thực hiện công tác thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý với tổng khối lượng là 9.856 kg.

Đến nay, có 05 đơn vị cấp huyện (Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát) đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Toàn tỉnh hiện có 92 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới đều có những cải thiện rõ nét về chất lượng môi trường và tiếp tục duy trì thực hiện công tác thu gom, xử lý rác thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi,...

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các cụm công nghiệp và các cơ sở phân tán trong khu dân cư đã có những chuyển biến tích cực trong việc thực hiện công tác BVMT thông qua việc lập hồ sơ môi trường, đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải. Tình trạng người dân phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn có chiều hướng giảm so với trước đây.

Một số làng nghề trước đây có tình trạng ô nhiễm kéo dài như làng nghề chế biến tinh bột mì tại các xã Hoài Hảo, Hoài Thanh, Hoài Tân (Thị xã Hoài Nhơn) và xã Bình Tân (huyện Tây Sơn), nay đã chấm dứt hoạt động và thực hiện chuyển đổi nghề cho các hộ sản xuất. Một số làng nghề phát sinh lượng nước thải lớn gây ô nhiễm như làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, Thị xã An Nhơn đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 200 m³/ngày từ nguồn vốn của Chương trình Tăng trưởng xanh của Chính phủ và đã bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý, vận hành.

Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư tại khu vực nông thôn được duy trì thường xuyên, liên tục, đa dạng về nội dung và hình thức. Các cơ quan, đoàn thể (Hội LHPN, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân,...) đã tổ chức nhiều mô hình, phong trào bảo vệ môi trường, thu hút đông đảo hội viên và nhân dân tham gia.

Qua kết quả quan trắc hiện trạng môi trường toàn tỉnh từ năm 2016 đến nay cho thấy, chất lượng môi trường không khí ở khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh tương đối tốt. Qua tiếp nhận thông tin từ đường dây nóng và đơn thư phản ánh của các tổ chức, cá nhân về môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương kiểm tra, xử lý dứt điểm và phản hồi thông tin cho các cơ quan truyền thông và nhân dân được biết. Thời gian qua không phát sinh các điểm nóng, có tính chất phức tạp về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh, nhất là ở khu vực nông thôn.

3. Một số tồn tại, hạn chế

Một số quy định trong công tác quản lý môi trường nông thôn có sự chồng chéo,

cụ thể như công tác quản lý chất thải, phụ phẩm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và chất thải trong hoạt động chăn nuôi có sự chùng chéo giữa ngành Tài nguyên và Môi trường và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Công tác quản lý nhà nước về BVMT đã từng bước được tăng cường nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới. Công tác quản lý môi trường nông thôn tại các địa phương còn hạn chế. Thực tế hiện nay, việc hướng dẫn xử lý chất thải chăn nuôi tại các hộ gia đình ở cấp huyện, cấp xã chưa được quan tâm và thực hiện đồng bộ.

Hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường tại khu vực nông thôn còn hạn chế, nhất là các công trình xử lý rác thải tập trung; hạ tầng bảo vệ môi trường tại các làng nghề, các cụm công nghiệp chưa được đầu tư đảm bảo.

Tỷ lệ thu gom, xử lý rác ở một số khu vực nông thôn còn hạn chế, vẫn còn tình trạng xả rác thải tại các khu vực công cộng, kênh mương, sông suối.... Nước thải chăn nuôi nông hộ chưa được xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Việc thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới đã được các địa phương chú trọng triển khai; tuy nhiên, vẫn còn một số địa phương chưa quan tâm đúng mức. Có tình trạng một số địa phương sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới chưa quan tâm tiếp tục duy trì, phát huy các kết quả đạt được trong công tác BVMT.

Việc xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí sự nghiệp về BVMT hàng năm chưa được thực hiện đồng bộ tại các địa phương; chưa chú trọng phân bổ kinh phí để xử lý và cải thiện môi trường nông thôn, cụm công nghiệp, làng nghề. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về BVMT còn thiếu về số lượng, nhất là ở cấp xã chỉ có 01 công chức địa chính - xây dựng, kiêm nhiệm công tác quản lý môi trường nên chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

4. Một số giải pháp thực hiện trong thời gian đến

Trong thời gian đến, để tăng cường hơn nữa công tác BVMT nông thôn trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo các ngành, địa phương thực hiện một số giải pháp như sau:

- Tổ chức thực hiện đồng bộ những nội dung về BVMT trong Chương trình hành động số 11-Ctr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025 và Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-Ctr/TU. Rà soát và triển khai đồng bộ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU.

- Tiếp tục tăng cường và tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT, nhất là triển khai thực hiện đồng bộ, nghiêm túc Luật Bảo vệ môi

trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022); phát huy vai trò của MTTQVN và các tổ chức thành viên trong công tác vận động quần chúng nhân dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại địa bàn khu vực nông thôn nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ tiêu chí môi trường mới của giai đoạn 2021-2025, đảm bảo việc thực hiện tiêu chí môi trường một cách thiết thực, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí đủ kinh phí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn, nhất là trang bị đủ phương tiện thu gom rác chuyên dụng cho đơn vị chức năng cấp huyện và kinh phí cho công tác thu gom, quản lý rác thải cho UBND các xã. Đầu tư các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo tại các địa phương (cấp huyện) chưa có bãi chôn lấp hợp vệ sinh, đóng cửa các bãi rác tạm. Các địa phương (An Nhơn, Phù Mỹ và Vĩnh Thạnh) cần khẩn trương xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường công tác thu gom, xử lý rác thải khu vực nông thôn; các địa phương (Tây Sơn, Vân Canh, Vĩnh Thạnh) khẩn trương xây dựng giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định. Vận động, hướng dẫn người dân thực hiện phân loại rác tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, nhằm giảm tải cho các bãi chôn lấp, tận dụng giá trị hữu ích của rác thải và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Ban hành các quy định về khu vực không được phép chăn nuôi để có cơ sở quản lý chặt chẽ hoạt động chăn nuôi trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là ở khu vực nông thôn. Quy hoạch các điểm chăn nuôi tập trung để từng bước di dời các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn ra khỏi khu dân cư. Vận động người dân xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo, xây dựng biogas đủ công suất đối với các hộ chăn nuôi heo; sử dụng đệm lót sinh học đối với hộ chăn nuôi gia cầm, chú trọng sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý mùi hôi.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT khu vực nông thôn. Theo đó, rà soát xây dựng, sửa đổi quy chế phối hợp giữa các ngành liên quan và địa phương trong việc thực hiện công tác BVMT trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Tăng cường công tác quan trắc môi trường để đánh giá kịp thời hiện trạng và dự báo diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh, làm cơ sở triển khai các giải pháp quản lý. Các địa phương chú trọng phân bổ và sử dụng có hiệu quả kinh phí sự nghiệp BVMT, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường cấp xã để đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường nông thôn.

V. VỀ KHU KINH TẾ TỈNH

Báo cáo tình hình phát triển các khu đô thị và hệ thống giao thông kết nối trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội từ năm 2021 đến nay và các định hướng lớn thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

1. Về tình hình phát triển đô thị:

a) Từ năm 2021 đến nay:

Theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-TTg ngày 08/5/2019, Khu kinh tế Nhơn Hội sẽ hình thành và phát triển 05 Khu đô thị mới gồm: Khu đô thị Cát Tiến, Khu đô thị Nhơn Hội, Khu đô thị Mai Hương, Khu đô thị Becamex A, Khu đô thị Becamex B. Ngoài ra, trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội còn có các Khu dân cư hiện trạng như: Khu dân cư Nhơn Lý, Khu dân cư Nhơn Hải, Khu dân cư Hải Minh,...các khu dân cư này từng địa phương sẽ quy hoạch chỉnh trang và phát triển thành đô thị.

Hiện nay, BQL KKT đang phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện hoàn thành Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị của 05 Khu đô thị nêu trên trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, làm cơ sở thu hút đầu tư và triển khai đầu tư hạ tầng đô thị, nhằm phát triển các khu đô thị trên.

Ngoài ra, Khu kinh tế Nhơn Hội đã được đầu tư hoàn thành các dự án đô thị: Phân khu số 2 (36,91ha), số 4 (34,19ha), số 9 (45,94ha), số 5 (20,4ha), số 8 (16,4ha) thuộc khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội; Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong (11,5ha); Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2) (13,348ha); Khu TĐC Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc (6,02ha).

Đồng thời, đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đang triển khai xây dựng dự án: Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 1) (9,61ha) thuộc Khu đô thị Cát tiến; dự án Khu dân cư và TĐC Vĩnh Hội thuộc khu đô thị Tân Thanh; Khu đất ở dịch vụ thương mại thuộc khu đô thị cửa ngõ Cát Tiến Khu kinh tế Nhơn Hội 03 (4,1ha); 04 (4,83ha); Khu đất ở phía nam đường trục Khu kinh tế nối dài tại lý trình Km2+400 (8,28ha).

Riêng khu Khu đô thị Becamex A, Công ty CP Becamex Bình Định đang triển khai đầu tư xây dựng Khu tái định cư – Dân cư Hiệp Vinh 1A, 1B.

b) Định hướng trong thời gian đến (2022 - 2025):

Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị, Chương trình và Kế hoạch phát triển đô thị của 05 Khu đô thị nêu trên (quý 2/2022), trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, làm cơ sở thu hút đầu tư và triển khai đầu tư hạ tầng đô thị, nhằm phát triển các khu đô thị trên.

Trong thời gian đến ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư các khu đô thị thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, cụ thể như sau:

- Khu TĐC - Khu dân cư Vĩnh Hội (25,08ha);
- Khu đô thị Tây nam xã Nhơn Lý (22ha).
- Khu đô thị Becamex A (gồm 04 Khu tái định cư – Dân cư Hiệp Vinh 1A, 1B, 2 và Tân Vinh)
- Dự án chuyển đổi sang đất ở đô thị từ một phần Dự án Trung tâm Dịch vụ du

lịch Nhơn Hội (38,83ha).

- Khu đô thị Nhơn Hội: Đầu tư phát triển đô thị tại Phân khu số 1 (57,23ha); số 03 (36,039ha), số 5 và số 8.

- Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km 0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài (10,38ha).

2. Về tình hình phát triển hệ thống giao thông kết nối trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội:

a) Từ năm 2021 đến nay:

- Giao thông đối nội: BQL KKT đã tổ chức thi công hoàn thành đưa vào sử dụng các tuyến: Tuyến đường liên khu vực KĐT du lịch Nhơn Hội 516m; lộ giới 27m; Tuyến đường vành đai phía Đông Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, chiều dài 1,4km, lộ giới 27m; Tuyến đường N1 thuộc KCN Nhơn Hội (Khu A), chiều dài 700m, quy mô 28m; Tuyến đường chuyên dụng phía Tây Khu kinh tế, chiều dài 7Km, quy mô mặt đường BTN 7m.

Đồng thời, đang thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thi công các tuyến đường: Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Nhơn Hải-Nhơn Hội, chiều dài 5,03km, lộ giới 13m; Tuyến đường trục Khu kinh tế nổi dài từ Km0+00-Vịnh Mai Hương, chiều dài 1,182km, lộ giới 80m; Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT. 639 (Tuyến Nhơn Hội – Tam Quan) đoạn Km0+450 – Km5+00.

- Giao thông đối ngoại: Đã triển khai thi công hoàn thành đưa vào sử dụng các tuyến đường: Tuyến đường Quốc lộ 19, dài L=17,4km, bề rộng nền đường $B_n=(30-50)m$; Đường trục khu kinh tế Nhơn Hội nổi dài: L=20,1Km, kết nối Khu kinh tế Nhơn Hội với Sân bay Phù Cát, bề rộng nền đường $B_n=(20,5-30)m$; Đường ven biển đoạn Cát Tiến - Đê Gi: L=21,5km, bề rộng nền đường $B_n=20,5m$; Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến khu tâm linh chùa Linh Phong: dài L= 2,6km, mặt đường 04 làn xe và đang triển khai thi công tuyến đường ĐT.638, đoạn từ nút giao Quốc lộ 19C đến Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định, chiều dài L=264m, lộ giới 27m.

b) Định hướng trong thời gian đến:

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo đầu tư và hoàn thiện các hạ tầng giao thông:

- Hệ thống giao thông đối nội: Tuyến đường trục Khu kinh tế nổi dài từ Km0+00-Vịnh Mai Hương; Đầu tư hoàn chỉnh quy mô lộ giới 65m-80m trục chính Bắc Nam (đoạn trùng QL.19B); Tuyến đường vành đai phía đông Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội 1,1km, lộ giới 27m; Cầu nối Khu du lịch Hải Giang Merry land và Khu đô thị Mai Hương; Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Nhơn Hải-Nhơn Hội, chiều dài 5,03km, lộ giới 13m; Tuyến đường nối từ đường chuyên dụng phía tây đến đường ven biển Diêm Vân-Cát Tiến, dài 4,3Km, lộ giới 45m; Tuyến đường tránh Nhơn Lý, chiều dài 2,6Km, lộ giới 45m (đoạn đầu 381m) và lộ giới 18m (2.219m còn lại); Tuyến đường nối từ Đường trục Khu kinh tế ra biển phía bắc của Dự án Maia Quy Nhơn Beach Resort, chiều dài L=700m, lộ giới 40m. Xây dựng hoàn thiện tuyến đường cảng Nhơn Hội, lộ giới 46m. Ngoài ra, hoàn thiện các tuyến đường khu vực trong Khu công

ngiệp Nhơn Hội, lộ giới 45 - 65 m. Xây dựng mới các tuyến đường đô thị khu vực lộ giới 10 - 25 m.

- Hệ thống giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường phía Tây huyện Vân Canh, đoạn từ Khu Công nghiệp, đô thị Becamex Bình Định đến thị trấn Vân Canh, chiều dài L=23,2km, lộ giới 12m; Tuyến đường nối từ Quốc lộ 1A vào KCN Hòa Hội, chiều dài L=536m, lộ giới 28m; Tuyến đường nối từ Quốc lộ 1A vào KCN Cát Trinh, chiều dài L=1.000m, lộ giới 60m; Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 vào KCN Bình Nghi, chiều dài L=596m, lộ giới 37m.

+ Nâng cấp tuyến Quốc lộ 19C đoạn đi qua Khu công nghiệp đô thị Becamex đạt tiêu chuẩn cấp III, IV.

+ Xây mới cầu Thị Nại 3 kết nối tuyến đường ĐT636 với Khu kinh tế Nhơn Hội.

VI. VỀ VĂN HOÁ – XÃ HỘI

1. Báo cáo tình hình đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành y tế trong thời gian qua và định hướng hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, nhất là phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

1.1. Thực hiện giai đoạn 2017 - 2021:

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Bộ Y tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, cơ sở vật chất của ngành Y tế từng bước được đầu tư theo chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, Sở Y tế đã đầu tư tương đối hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố. Tranh thủ nguồn vốn Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện để đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế, thiết bị thu gom chất thải rắn... cho Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn và Bệnh viện đa khoa khu vực Phú Phong (nay là Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn).

Bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu của Trung ương, kinh phí hỗ trợ của một số ngân hàng thương mại và nguồn ngân sách tỉnh, đã đầu tư xây dựng mới Khu khám - kỹ thuật nghiệp vụ (05 tầng) và các hạng mục phụ trợ trên phần đất mở rộng của Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn; xây dựng mới Khu điều trị bệnh nhân (07 tầng) và các hạng mục phụ trợ của Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn trên phần đất mới cấp quyền sử dụng.

Đặc biệt, UBND tỉnh quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho Bệnh viện đa khoa tỉnh. Từ năm 2017 đến nay, đã triển khai thi công xây dựng nhiều hạng mục như: Xây dựng mới khoa chống nhiễm khuẩn; Khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh thăm dò chức năng (07 tầng); Kho lưu trữ hồ sơ bệnh án, khu giảng dạy, thực hành sinh viên y khoa, các phòng chức năng và khoa giải phẫu bệnh; Nâng cấp, xây dựng khoa Truyền nhiễm;

Sửa chữa, cải tạo khoa Sản, khoa Nhi sơ sinh; sửa chữa, cải tạo Nhà Mổ thuộc khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức; Xây dựng hành lang cầu, cải tạo cảnh quan sân vườn, đường nội bộ; Sửa chữa, cải tạo các nhà vệ sinh; Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây điện trong nhà, ngoài nhà và trạm biến áp: sửa chữa khoa Nội, Nhi: Xây dựng mới và nâng cấp khu nhà hành chính: Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước mưa và đấu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước công cộng của thành phố... Bệnh viện đa khoa tỉnh cũng được đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại từ Dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II bằng nguồn vay của cơ quan hợp tác Nhật Bản - JICA.

Ngoài ra, bằng nguồn vốn ngân sách đầu tư, sự nghiệp y tế hàng năm, ngành Y tế đã được đầu tư xây dựng nhiều hạng mục cho các cơ sở y tế trong tỉnh như: Cải tạo Khu Khám - cấp cứu thành khoa Nội tổng hợp; Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa Phụ sản, khoa Nhi, khoa Xét nghiệm (cũ) thành đơn nguyên cấp cứu nhi và nhi sơ sinh; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa Hồi sức cấp cứu thành khu Hồi tỉnh sau mổ và hành lang chính liên khoa... của Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn; Xây dựng hành lang cầu nối, sân vườn, đường nội bộ, khoa Dược - Chống nhiễm khuẩn của Bệnh viện Y học Cổ truyền; Xây dựng hạng mục sân vườn, đường nội bộ, nhà để xe của Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn; Xây dựng mới Nhà khám - hành chính Trung tâm y tế huyện Hoài Ân; Xây dựng mới Nhà làm việc khối y tế dự phòng; Sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh của Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn; Xây dựng mới khoa Dược - dinh dưỡng, tường rào, công ngõ, nhà bảo vệ Bệnh viện Mắt; Sửa chữa khoa Lao, khoa bệnh phổi, khoa xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Lao và bệnh phổi.

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị giai đoạn 2017 - 2021 là 2.559.926.826.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 56.709.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 416.149.905.000 đồng;
- Ngân sách địa phương: 262.225.921.000 đồng;
- Ngân sách xã hội hóa (bao gồm ODA, NGO, Orbiss quốc tế, Tập đoàn VinGrup và một số Ngân hàng thương mại: 482.751.000.000 đồng;
- Hợp tác công tư: 1.314.245.000.000 đồng;
- Nguồn vốn khác: 27.846.000.000 đồng.

1.2. Đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị năm 2022:

Trong năm 2022, nguồn vốn được giao cho Ngành để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị tổng số 394.508.724.000 đồng; trong đó:

- Đầu tư xây dựng cơ bản: 247.161.373.000 đồng;
- Mua sắm trang thiết bị: 147.347.351.000 đồng.

Hiện nay, Sở Y tế, Ban quản lý dự án dân dụng và Công nghiệp tỉnh và các đơn vị trực thuộc đang tiến hành quy trình thủ tục theo quy định để triển khai thực hiện xây dựng các hạng mục công trình và mua sắm trang thiết bị để đưa vào phục vụ nhu cầu

khám chữa bệnh cho nhân dân.

1.3. Định hướng về cơ sở vật chất, trang thiết bị trong thời gian tới:

Trong thời gian tới, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, các chủ trương của Chính phủ, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và chính quyền, đoàn thể các địa phương để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025.

Kiến toàn và từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của ngành đã được phê duyệt, đang triển khai thực hiện như: Xây dựng mới khu nhà điều trị - Nhà hành chính, Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn; Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ - Trung tâm y tế thị xã An Nhơn; Khu điều trị hệ ngoại, sản, phẫu thuật gây mê hồi sức và các hạng mục phụ trợ, Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn; Xây dựng mới nhà lắp đặt máy xạ trị gia tốc của khoa Ung bướu, Quy hoạch lại tổng thể Bệnh viện đa khoa tỉnh; Dự án đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 5 trung tâm y tế tuyến huyện (Hoài Nhơn, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước) ..., nhằm nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân; đáp ứng cơ bản yêu cầu thực tiễn về kiểm soát dịch bệnh, khám bệnh, chữa bệnh của hệ thống y tế trong tình hình mới; thực hiện công bằng, hiệu quả trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Cùng với việc đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, tăng giường bệnh kế hoạch theo lộ trình; tiếp tục đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị y tế nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai và phát triển chuyên môn kỹ thuật tại các bệnh viện phù hợp với khả năng và phân tuyến kỹ thuật được phê duyệt.

Khuyến khích phát triển hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

Tiếp tục thực hiện đầu tư cơ sở vật chất theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và theo Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025.

2. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 năm 2022. Giải pháp thực hiện hiệu quả trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Năm 2021 trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp tại một số tỉnh phía Nam và các tỉnh thuộc khu vực Duyên hải miền Trung; trong đó, đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 đã gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống của đại bộ phận người dân trên cả nước, trong đó có Bình Định. Trong bối cảnh trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tập trung

tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành năm 2021, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.1. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 116/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh

2.1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP và Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/QĐ-TTg, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản chỉ đạo: Công văn số 3973/UBND-VX ngày 05/7/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ; Công văn số 4187/UBND-VX ngày 14/7/2021 về việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 5163/UBND-VX ngày 20/8/2021 về việc giao nhiệm vụ phê duyệt danh sách người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại Quyết định số 46/2021/QĐUBND ngày 08/8/2021 của UBND tỉnh.

- Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho người lao động, người sử dụng lao động theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh theo thẩm quyền.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập Tổ công tác và phân công lãnh đạo Sở trực tiếp theo dõi của từng địa bàn để đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ. Ngoài ra, tổ chức Hội nghị trực tuyến với các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các chính sách.

2.1.2. Kết quả thực hiện

a) Thực hiện các chính sách theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

- Giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 01/07/2021 đến 31/12/2021 cho 3.362 đơn vị được hỗ trợ, 79.465 lao động, với số tiền giảm đóng 11.276 triệu đồng.

- Hỗ trợ cho 04 đơn vị được hỗ trợ, 559 lao động xin tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất, với số tiền tạm dừng đóng 2.884 triệu đồng.

- Hỗ trợ 01 đơn vị với 265 lao động, kinh phí 1.057.350.000 đồng để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

- Hỗ trợ cho 58 lượt doanh nghiệp, với 22.940 lượt lao động để vay vốn trả lương ngừng việc, phục hồi sản xuất, với kinh phí đã hỗ trợ trên 50,059 tỷ đồng từ Ngân hàng chính sách xã hội.

- Hỗ trợ cho 60.367 người lao động và 5.995 hộ kinh doanh với tổng kinh phí trên 98 tỷ đồng (bao gồm: (1) người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; (2) người lao động ngừng việc; (3) người lao động chậm dứt

hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; (4) hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế; hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; (5) viên chức hoạt động nghệ thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch; (6) hộ kinh doanh).

b) Chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và các đối tượng đặc thù khác

Có 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã rà soát, lập danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách và đã thực hiện chi trả cho 111.193 người, kinh phí trên 166 tỷ đồng, vượt 288,1% kế hoạch

c) Chính sách hỗ trợ cho vay đối với người lao động theo Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND

Ngân sách tỉnh đã bổ sung, uỷ thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh 50 tỷ đồng để cho người lao động vay nhằm chuyển đổi việc làm, duy trì, mở rộng việc làm. Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đến ngày 31/12/2021, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đã thực hiện giải ngân cho 1.124 người lao động với số tiền 50 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch giao.

d) Chính sách hỗ trợ từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng dịch từ quỹ kết dư BHTN³⁵ (bao gồm người lao động đang tham gia đóng BHTN và đang bảo lưu): 99.703 người, với tổng số tiền hỗ trợ 242.964 triệu đồng.

- Hỗ trợ giảm mức đóng BHTN cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng dịch Covid-19: Từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021: 3.170 đơn vị được hỗ trợ, 89.984 lao động, với số tiền giảm đóng 12.090 triệu đồng.

2.2. Công tác đưa, đón công dân Bình Định từ Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh phía Nam về tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 19/7/2021 và Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức tiếp nhận, cách ly công dân Bình Định từ Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh phía Nam về tỉnh. Từ ngày 20/7/2021 đến nay, tỉnh đã tổ chức đưa công dân Bình Định từ Thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh (thực hiện biện pháp cách ly phù hợp ngay khi về tỉnh) với tổng số 4.092 công dân, trong đó vận chuyển bằng 11 chuyến bay với 1.924 người và 111 chuyến xe với 2.740 người.

Đồng thời, đã rà soát nhu cầu tìm việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, học nghề của lao động, chú trọng người lao động trở về từ các vùng có dịch; phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác hỗ trợ cho vay từ nguồn vốn giải quyết việc làm, quỹ xoá đói giảm nghèo để người lao động tự tạo việc làm.

2.3. Quan tâm chăm lo, trợ giúp các đối tượng yếu thế, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

³⁵ Thời gian thực hiện: từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 31/12/2021

Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, ngoài các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, còn có sự hỗ trợ của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã thăm hỏi, tặng quà chăm lo tết hết sức chu đáo cho các đối tượng người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, các hộ ở xã khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt... trên địa bàn tỉnh (tổng cộng trên 126.715 suất quà, với tổng số tiền trên 52,2 tỷ đồng). Tình hình an ninh trật tự, đời sống của các gia đình chính sách, hộ nghèo, đối tượng xã hội trên địa bàn tỉnh trong dịp tết Nguyên đán Tân Sửu ổn định, yên tâm vui xuân đón Tết cổ truyền.

UBND tỉnh đã quyết định phân bổ 1.900,5 tấn gạo (trong đó 900 tấn gạo hỗ trợ thiếu đói trong dịp tết Nguyên Đán Tân Sửu năm 2021 và 1.000,5 tấn gạo hỗ trợ người dân gặp khó khăn khi thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống đại dịch Covid-19) do Chính phủ hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố để cứu trợ cho người dân.

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Ưu điểm

- Chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị tác động bởi đại dịch Covid-19 đã được các cấp, các ngành tại địa phương tổ chức triển khai thực hiện khẩn trương, quyết liệt, nỗ lực, quyết tâm cao và sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan, đơn vị, các địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ và nhận được sự đồng tình ủng hộ của doanh nghiệp, người lao động đảm bảo công tác an sinh xã hội trong thời gian qua. Qua đó, đã góp phần tích cực, giảm thiểu những tác động tiêu cực đến đời sống, việc làm và thị trường lao động trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tốt công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách đến với người dân và doanh nghiệp; đăng tải và thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản, nội dung liên quan về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng, các chuyên mục tuyên truyền, giải đáp, công khai các quyết định hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng; thiết lập đường dây nóng để hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc của người dân và các địa phương trong quá trình thực hiện; có phân mềm chống trùng đối tượng và thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng chặt chẽ, đúng quy định, kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh.

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, qua đó tạo sự đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện; công tác rà soát, thẩm định, lập danh sách và chi trả đối tượng được thực hiện tốt, đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch.

2.4.2. Tồn tại, hạn chế

- Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ lao động tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương, hỗ trợ lao động ngừng việc có nhiều các địa phương có nhiều cách hiểu khác nhau trong việc xét duyệt điều kiện hỗ trợ của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, khách sạn.

- Còn nhiều đối tượng là người lao động có ký kết hợp đồng lao động nhưng chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị ảnh hưởng do dịch COVID-19 gặp rất nhiều khó khăn, bị

mất, thiếu việc làm nhưng không thuộc đối tượng hỗ trợ của Trung ương cũng như của tỉnh nên chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là các lao động trong các ngành nghề dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, giáo dục.

- Đối với chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động quy định điều kiện các doanh nghiệp có doanh thu của quý liền kề giảm từ 10% trở lên so với doanh thu cùng kỳ. Đây là một điều kiện cản trở cho các doanh nghiệp trong thực hiện chính sách hỗ trợ này, bởi có những doanh nghiệp tuy, gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19 nhưng doanh thu của doanh nghiệp không bị giảm so với cùng kỳ. Mặt khác, về hồ sơ đề nghị hỗ trợ khi xác nhận của cơ quan BHXH thì việc người lao động đã tham gia BHTN đủ 12 tháng trở lên, nhưng do tham gia tại 02 doanh nghiệp (01 doanh nghiệp tham gia 6 tháng, 01 doanh nghiệp tham gia 8 tháng) thì cơ quan bảo hiểm cho rằng không đúng đối tượng cũng làm hạn chế người lao động của doanh nghiệp tham gia đào tạo.

2.5. Nhiệm vụ giải pháp trọng tâm thời gian đến

Để triển khai hiệu quả các chính sách, dự án góp phần bảo đảm an sinh xã hội trong thời gian đến, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu như sau:

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo việc làm bền vững, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động. Trong đó, tập trung đẩy mạnh các giải pháp thực hiện chăm lo, bảo đảm đời sống cho người lao động, tổ chức thông tin, điều tiết kết nối cung - cầu lao động, đảm bảo ổn định và phát triển thị trường lao động; đồng thời, đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại lao động bổ sung cho những lĩnh vực, ngành nghề, khu vực có nhu cầu cao cho khôi phục phát triển kinh tế, đặc biệt là lao động trong các ngành nghề dịch vụ, du lịch bị thiệt hại sau đại dịch COVID-19 và chuẩn bị đào tạo, hỗ trợ đào tạo lao động cho phát triển kinh tế xã hội, chuẩn bị lao động có tay nghề cho Khu Công nghiệp Becamex Vsip Bình Định đi vào hoạt động.

- Bố trí đủ nguồn lực, tăng cường các biện pháp chỉ đạo thực hiện đảm bảo tiến bộ, hiệu quả công việc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người lao động hiểu rõ sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của chính sách bảo hiểm xã hội, lợi ích lâu dài của việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo đảm an sinh xã hội bền vững, hạn chế tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần, không để tình trạng trục lợi bảo hiểm xã hội; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. Đồng thời, phối hợp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ đóng, gian lận, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động để họ an tâm, tiếp tục tham gia, gắn bó lâu dài với hệ thống bảo hiểm xã hội.

- Tập trung triển khai Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản pháp luật khác

có liên quan đến lĩnh vực sử dụng lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tăng cường việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ tranh chấp lao động.

- Tăng cường công tác tư vấn, phân luồng học sinh, đồng thời tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, thích ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề. Tổ chức và thực hiện tốt chính sách “xã hội hóa công tác giáo dục nghề nghiệp”. Phát triển đa dạng các hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công. Rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về ưu đãi Người có công với cách mạng khi thực hiện còn có vướng mắc. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp mộ, nghĩa trang, công trình tưởng niệm liệt sỹ, phối hợp tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ vào nghĩa trang, hướng dẫn thân nhân thăm viếng di chuyển hài cốt liệt sỹ về nguyên quán đúng quy định. Vận động ủng hộ Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” cấp tỉnh; xây dựng, đề nghị công nhận “xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ và người có công”, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

- Xây dựng, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh. Nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội; thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội, chú trọng trợ giúp tại cộng đồng và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở tập trung. Khuyến khích các hoạt động nhân đạo, từ thiện, xã hội hóa công tác bảo trợ, cứu trợ xã hội. Giải quyết cơ bản tình trạng người lang thang, xin ăn.

- Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em; tạo sự chuyển biến tích cực về cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, đồng thời mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ và phúc lợi xã hội dành cho trẻ em. Hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và trẻ em giữa các vùng trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em.

- Bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

VII. VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

1. Báo cáo việc thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công

lập trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay. Giải pháp thực hiện hiệu quả trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

1.1. Về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2020 triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 1568/UBND-NC ngày 28/3/2022 triển khai thực hiện Công điện số 209/CD-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; kết quả thực hiện như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: 08 đơn vị, giảm 01³⁶ đơn vị so với thời điểm trước năm 2021.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành: 124 đơn vị, giảm 02³⁷ đơn vị so với thời điểm trước năm 2021; cơ cấu tổ chức Phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Sở giảm 21³⁸ phòng.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện: 601 đơn vị, giữ nguyên so với thời điểm trước năm 2021.

1.2. Tinh giản biên chế

a) Thực hiện tinh giản biên chế: Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt tỷ lệ theo quy định. Từ năm 2015 đến năm 2021, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã tinh giản được 3.008/30.028 người so với năm 2015, đạt tỷ lệ 10%.

b) Giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ:

- Năm 2021, giải quyết chính sách tinh giản biên chế là 44 người (trong đó: công chức: 02 người, viên chức: 31 người, công chức xã: 11); kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế với số tiền là 6.798.895.000 đồng (Sáu tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

³⁶. Sáp nhập Trường Cao đẳng Bình Định vào Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

³⁷. Giải thể Trung tâm phát triển nhà và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng; Hợp nhất Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và tổ chức lại thành Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.

³⁸. Trung tâm Tin học - Công báo trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (giảm 02 Phòng); Đài Truyền thanh và Truyền hình tỉnh (giảm 02 Phòng); Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định (giảm 01); giảm 03 phòng và 03 Trạm và 02 bến cá là các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giảm 05 trạm trực thuộc là các tổ chức sự nghiệp thuộc các Chi cục thuộc Sở, do giải thể 01 trạm, hợp nhất 06 trạm thành 02 trạm liên huyện); Hợp nhất Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và tổ chức lại thành Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (giảm 03 Phòng).

- Năm 2022, giải quyết chính sách tinh giản biên chế là 72 người (trong đó: công chức cấp huyện, tỉnh: 09 người, viên chức: 45 người, công chức xã: 18); kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế với số tiền là 10.978.229.502 đồng (Mười tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm lẻ hai đồng).

1.3. Khó khăn

- Cơ chế tự chủ về tài chính của các đơn vị trước khi sáp nhập, hợp nhất khác nhau (có đơn vị là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; có đơn vị là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên) nên khó khăn trong việc xác định cơ chế tài chính và lộ trình về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn chưa chủ động trong việc khai thác nguồn thu hiệu quả để chuyển sang thực hiện chế độ tự chủ hoàn toàn về tài chính; chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước cấp hàng năm.

1.4. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

a) Tiếp tục đẩy mạnh đề án cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đẩy mạnh việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 97/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, theo hướng giảm tối thiểu 10% số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW; rà soát đề xuất phương án kiện toàn, sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí và số lượng người làm việc tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, các đơn vị sự nghiệp hoạt động kém hiệu quả; kiện toàn, thành lập Hội đồng quản lý đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu: Tiếp tục đẩy mạnh cơ chế tự chủ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định của Chính phủ tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Khuyến khích các đơn vị nâng cao mức độ tự chủ về tài chính để bảo đảm tính ổn định và phát triển.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác (không cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu): Đề nghị đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ theo hướng tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên và chuyển đổi thành công ty cổ phần khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

b) Thực hiện tinh giản biên chế; xác định cụ thể số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp có nguồn thu sự nghiệp.

2. Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả nổi bật trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài. Giải pháp chấn chỉnh tình trạng khiếu nại đông người, vượt cấp trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

2.1. Tình hình, kết quả công tác thanh tra năm 2021

Trong năm 2021, toàn ngành Thanh tra của tỉnh đã phát huy thuận lợi, phấn đấu khắc phục khó khăn, nhất là những khó khăn do tác động đại dịch Covid -19, tập trung thực hiện nhiệm vụ công tác thanh tra đạt được những kết quả sau:

Toàn ngành đã thực hiện 66 cuộc thanh tra hành chính tại 92 đơn vị; 1.657 cuộc thanh tra chuyên ngành tại 10.220 lượt tổ chức, cá nhân và 39 cuộc thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tại 50 đơn vị. Kết quả thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế 16.153 triệu đồng và 12.046 m² đất các loại; kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 13.164 triệu đồng và 2.724 m² đất các loại; kiến nghị xử lý khác về kinh tế (ghi thu, ghi chi, giảm trừ quyết toán...) 2.989 triệu đồng và 9.322 m² đất các loại; kiến nghị kiểm điểm, xem xét xử lý trách nhiệm đối với 17 tập thể và 37 cá nhân; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra 01 vụ có dấu hiệu tội phạm³⁹. Thanh tra chuyên ngành ban hành 1.447 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 74 tổ chức và 1.373 cá nhân với số tiền 7.686 triệu đồng.

Kết quả xử lý sau thanh tra đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước 10.948 triệu đồng (đạt tỷ lệ 83,17% số kiến nghị thu hồi), 2.724 m² đất các loại (đạt tỷ lệ 100%); số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu 7.234 triệu đồng (đạt tỷ lệ 94,12%); kiến nghị xử lý khác về kinh tế số tiền 2.989 triệu đồng và 9.322 m² đất các loại đã được thực hiện xong. Các cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành kiểm điểm, xử lý hành chính 19 tập thể và 35 cá nhân có khuyết điểm, sai phạm; hoàn tất việc chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra 01 vụ có dấu hiệu tội phạm.

Đồng thời với việc kiến nghị xử lý các sai phạm về kinh tế và xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, các cơ quan thanh tra đã đề xuất nhiều kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, yếu kém, sơ hở trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm góp phần hạn chế, phòng ngừa vi phạm pháp luật. tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trên

39. Vụ sai phạm trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Tông và bà Nguyễn Thị Thu Thủy ở thôn Xuân Bình, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ. Hiện nay Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Mỹ đã có khởi tố vụ án, khởi tố 03 bị can và đang tiến hành điều tra theo luật định.

các ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Đánh giá chung, công tác thanh tra trên địa bàn tỉnh trong năm 2021 được thực hiện tích cực, khẩn trương, bám sát kế hoạch thanh tra đã được Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành phê duyệt và yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước của cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh. Thanh tra tỉnh và một số ngành, địa phương đã chủ động điều chỉnh giãn tiến độ thực hiện các cuộc thanh tra, giảm đầu mỗi thanh tra, nhất là đối với các doanh nghiệp để phù hợp với tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19. Nội dung thanh tra đã tập trung có trọng tâm, trọng điểm vào những ngành, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí như: quản lý tài chính và ngân sách nhà nước; thực hiện các dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng đất đai; thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội; thanh tra đột xuất những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Hoạt động thanh tra được tiến hành dân chủ, chính xác, khách quan, công khai, minh bạch, tuân theo pháp luật; tình trạng chông chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước đối với doanh nghiệp được khắc phục. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả thanh tra được đảm bảo; kết quả xử lý sau thanh tra có chuyển biến tích cực.

2.2. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong năm 2021, các cơ quan thanh tra đã phối hợp với Ban Tiếp công dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan có liên quan tổ chức tiếp 2.752 lượt công dân, trong đó có 23 lượt đoàn đông người của 09 vụ việc với 481 người tham gia; tiếp nhận, phân loại, xử lý 2.756 vụ việc, gồm 1.221 vụ khiếu nại, 168 vụ tố cáo và 1.367 vụ kiến nghị, phản ánh; tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, đề xuất Thủ trưởng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước các cấp, các ngành giải quyết 466/532 vụ khiếu nại (đạt tỷ lệ 87,59%) và 40/44 vụ tố cáo (đạt tỷ lệ 90,91%) thuộc thẩm quyền. Kết quả giải quyết khiếu nại đã khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân 1.800 triệu đồng và 29.967 m² đất các loại; giải quyết tố cáo đã thu hồi về cho Nhà nước 26 triệu đồng; trả lại cho cá nhân 398 triệu đồng; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra 02 vụ có dấu hiệu tội phạm.

Công tác tiếp công dân ở cấp tỉnh, cấp huyện tiếp tục được duy trì thực hiện nghiêm túc, bảo đảm thực chất. Công tác chỉ đạo giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền được thực hiện khẩn trương, theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định; công tác đối thoại trong quá trình chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng; biện pháp giải quyết phù hợp, khả thi nên dứt điểm được nhiều vụ việc, trong đó có những vụ việc bức xúc, phức tạp, đông người, kéo dài, vượt cấp; tỷ lệ giải quyết đạt cao hơn chỉ tiêu đề ra. Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong năm 2021 đã góp phần phục vụ tổ chức thành công công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.3. Một số giải pháp nhằm giải quyết tình trạng khiếu nại đông người, vượt cấp trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến

Để góp phần từng bước hạn chế và giải quyết dứt điểm tình trạng khiếu nại đông người, vượt cấp trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, các cấp, các ngành tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện phù hợp, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 11/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*”; các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý.

Thứ hai, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở phải trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân và Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân theo Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị, Quy chế số 08-QC/TU ngày 29/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm người đứng đầu trong tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những kiến nghị, phản ánh của dân. Tiếp công dân phải gắn với việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo giải quyết kịp thời, dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, không để kéo dài, gây bức xúc, khiếu kiện vượt cấp lên các cơ quan cấp trên. Tổ chức tốt việc tiếp dân đột xuất, đối thoại với công dân để chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp, đông người khi mới phát sinh.

Thứ ba, tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vụ việc phức tạp, kéo dài đã có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và Chủ tịch UBND tỉnh.

Thứ tư, tăng cường kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Qua đó, có biện pháp chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng thời kiên quyết xử lý các trường hợp đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, giải quyết chậm trễ, giải quyết không đúng quy định các vụ việc thuộc thẩm quyền, để công dân đi lại nhiều lần, gây bức xúc, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.

Thứ năm, tăng cường công tác quản lý nhà nước, thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tập trung vào các ngành, lĩnh vực phát sinh nhiều khiếu kiện của công dân như công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng... Quá trình giải quyết các vụ việc cần tăng cường đối thoại công khai, dân chủ, tôn trọng lắng nghe các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của công dân; vận dụng linh hoạt, phù hợp với các chính sách, pháp luật để bảo đảm giải quyết hài hòa lợi ích của Nhà nước, Nhân dân và nhà đầu tư, tạo sự đồng thuận để giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại kéo dài. Quá trình chỉ đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo cần quán triệt thực hiện tốt phương châm dân chủ đi đôi với kỷ cương pháp luật;

có hình thức xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật đối với những phần tử quá khích, lợi dụng dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo để gây rối trật tự công cộng, cản trở, chống đối, xúc phạm người thi hành công vụ, tổ chức cho người khác khiếu kiện trái pháp luật.

Thứ sáu, tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo cho cán bộ và Nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

3. Báo cáo kết quả nổi bật công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động cho vay nặng lãi, tín dụng đen trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân; đồng thời, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tình trạng nêu trên trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

3.1. Công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động “tín dụng đen”

Thời gian qua tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định cơ bản được giữ vững và ổn định, không xảy ra tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen và tội phạm có yếu tố nước ngoài. Hoạt động tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” diễn ra không công khai như trước, tình trạng treo biển quảng cáo, phát, dán tờ rơi còn diễn ra nhưng không nhiều; hoạt động đòi nợ, siết nợ giảm mạnh. Tuy nhiên các nhóm đối tượng hoạt động cho vay nặng lãi, đòi nợ và đòi nợ thuê hoạt động ngày càng tinh vi thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội và tìm mọi cách để đối phó với cơ quan pháp luật. Các đối tượng đã sử dụng nhiều thủ đoạn manh động, bạo lực để đòi nợ như ném chất bẩn, gạch đá... vào nhà người vay nợ để gây áp lực đòi nợ. Nổi lên gần đây tình trạng học sinh, sinh viên, người có thu nhập thấp vay tiền qua app, website...nhưng không biết lãi suất khi vay cao hơn lãi suất ngân hàng, dẫn đến việc vay của ứng dụng sau trả lãi cho ứng dụng trước. Khi không có khả năng trả nợ sẽ bị chủ nợ truy cập thông tin cá nhân, danh bạ, tài khoản mạng xã hội để bôi nhọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, phát tán cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp người vay. Khi người vay không có tiền trả lãi, gốc hay trả chậm thì các đối tượng này thường xuyên gọi điện hăm dọa người thân của người vay để gây áp lực trả nợ. Đặc biệt có những trường hợp không có tiền trả nên phải bỏ trốn khỏi địa phương.

Trước tình hình trên, Công an tỉnh đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 1648/KH-CAT-PC02 và kế hoạch số 673/KH-CAT-PV01 ngày 30/7/2019 về phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” để triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch 240/KH-BCA-C02 ngày 27/6/2019 của Bộ Công an về việc thực hiện Chỉ thị số 12/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Đặc biệt ngày 17/5/2022 Công an tỉnh đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1545/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ Công tác liên ngành kiểm

tra các cơ sở, dịch vụ có biểu hiện hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh, đồng thời chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương chủ động nắm chắc tình hình, rà soát, thống kê danh sách các băng nhóm đang hoạt động cho vay nặng lãi theo kiểu “tín dụng đen” và đòi nợ thuê, thu thập tài liệu, xử lý các nhóm đối tượng tội phạm liên quan hoạt động “tín dụng đen”, đòi nợ thuê như: cố ý gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản, bắt giữ người trái pháp luật...; áp dụng các biện pháp nghiệp vụ gọi hỏi răn đe đảm bảo công tác phòng ngừa và củng cố hồ sơ, tài liệu để áp dụng các hình thức xử lý phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Từ năm 2021 đến nay Công an tỉnh đã phát hiện và xử lý 17 vụ 28 đối tượng liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” đã xử lý hình sự 08 vụ, khởi tố bị can 15 đối tượng, xử lý hành chính 09 vụ 13 đối tượng, về các hành vi:

- Cho vay nặng lãi trong GDDS: 01 vụ 02 đối tượng;
- Cố ý gây thương tích: 03 vụ - 03 đối tượng;
- Hủy hoại tài sản: 05 vụ - 05 đối tượng;
- Làm nhục người khác: 02 vụ - 07 đối tượng;
- Cướp tài sản: 02 vụ - 03 đối tượng;
- Cưỡng đoạt tài sản: 02 vụ - 06 đối tượng;
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: 02 vụ - 02 đối tượng;

Tổ Công tác liên ngành đã kiểm tra 05 cơ sở kinh doanh tài chính đã lập hồ sơ 02 cơ sở để xử phạt hành chính trong lĩnh vực liên quan đến an ninh trật tự.

3.2. Những thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi

Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 tại nhiều địa phương diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nhiều mặt công tác của lực lượng Công an địa phương, các đoàn thể, tuy nhiên việc chỉ đạo, thực hiện Chỉ thị 12 vẫn được triển khai quyết liệt, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và được sự ủng hộ của người dân nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng ngừa nhất là công tác tuyên truyền có sự chuyển biến mạnh mẽ tại tất cả các địa phương, đoàn thể về các giải pháp tín dụng, phổ biết, giáo dục pháp luật, tuyên truyền các phương thức, thủ đoạn, hậu quả của tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” thông qua các phương tiện thông tin, truyền thông, cổng thông tin điện tử, trang nhóm mạng xã hội với các nội dung, hình ảnh đa dạng, thu hút. Qua đó nâng cao nhận thức và ý thức cảnh giác của người dân, kịp thời tiếp nhận, điều tra các hành vi có liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” do quần chúng nhân dân cung cấp, hướng dẫn, hỗ trợ người dân việc tiếp cận các nguồn vốn vay hợp pháp.

Các vụ án liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” được kéo giảm về số vụ. công tác điều tra, truy tố xét xử các vụ án liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” tiếp tục đạt được hiệu quả tích cực qua đó hạn chế để phát sinh các hành vi phạm tội khác có

nguyên nhân từ hoạt động “tín dụng đen”.

b) khó khăn

Các đối tượng hoạt động “tín dụng đen” sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi gây khó khăn cho công tác phát hiện, quản lý, điều tra xử lý bao gồm cả cho vay lãi nặng truyền thống, cho vay qua các website, ứng dụng điện thoại (app) và các hành vi đòi nợ trái pháp luật. Một số chuỗi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ cầm đồ thành lập nhiều cơ sở, cửa hàng tại nhiều địa phương khác nhau, vừa hoạt động cho vay cầm cố tài sản tại cửa hàng, vừa hoạt động trên không gian mạng, tuy số tiền vay nhỏ, lãi xuất cho vay dưới 20%/năm như thu thêm nhiều khoản phí. Tuy nhiên, cơ quan chức năng gặp khó khăn trong thu thập chứng cứ điện tử, xác minh, xử lý được các hành vi sử dụng sim rác, tài khoản xã hội ảo để nhắn tin nhắc nợ, đòi nợ phản cảm.

Nhiều công ty lợi dụng công nghệ cao để hoạt động biến tướng với các mô hình như: cầm cố online; hợp tác, cung cấp danh sách khách hàng cho công ty cầm đồ; tạo lập ứng dụng để cá nhân đi vay và cá nhân cho vay tự kết nối thỏa thuận với nhau; hợp tác với bên thứ ba là đối tác giới thiệu khách hàng cho công ty tài chính của hệ thống ngân hàng. Tại Việt Nam, có hơn 100 công ty cho vay lấy danh nghĩa cho vay ngang hàng để cho vay trực tuyến (Vnvn, sieudong, Eloan, Moneybank...) hầu hết có yếu tố nước ngoài (Trung Quốc, Nga, Indonesia...) đăng ký hoạt động là dịch vụ tư vấn tài chính và kết hợp với các công ty, cửa hàng cầm đồ để thực hiện hoạt động cho vay tiền, thu hồi nợ. Các đối tượng này thường đăng ký núp bóng các công ty hoạt động kinh doanh theo Luật các Tổ chức tín dụng, không có giấy phép kinh doanh dịch vụ tài chính.

Một số trường hợp từ thua cá độ bóng đá ghi nợ thành tiền vay lấy lãi nặng dẫn đến khai báo không có căn cứ xử lý. Công tác phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi cho vay lãi nặng dưới hình thức cho vay trực tuyến, cho vay các ứng dụng điện thoại (app) còn gặp nhiều vướng mắc về việc thu thập tài liệu, chứng cứ. Các quy định của pháp luật còn nhiều bất cập dẫn đến các đối tượng hoạt động biến tướng, lách luật.

Công tác xây dựng, ban hành văn bản pháp luật làm cơ sở cho việc xử lý hành chính, xử lý hình sự đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đến nay còn nhiều ý kiến chưa thống nhất nên dẫn đến khó khăn trong công tác điều tra, xử lý.

3.3. Những nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác trong thời gian đến

Để tiếp tục đảm bảo tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Bình Định, thời gian tới UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Công an tỉnh tiếp tục triển khai các giải pháp trọng tâm đó là:

- Phối hợp các sở, ngành, địa phương tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ trọng tâm đã được phân công trong Chỉ thị số 12 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ tại Công văn số 8096/VPCP-NC ngày 04/11/2021. Chủ động triển khai các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” đúng trọng tâm, đảm bảo phát hiện ngăn chặn các phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử, mạng xã hội, nền tảng di động..., gắn với các vụ án, vụ việc cụ thể để tiếp cận để người dân dễ nhận thức được các phương thức thủ đoạn mới về hoạt động “tín dụng đen” có thể xảy ra.

- Tiếp tục chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương siết chặt công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, triệt để thu hồi hoặc kiến nghị thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ, các cơ sở kinh doanh dịch vụ cho vay, kinh doanh tài chính có biểu hiện vi phạm pháp luật, có hình thức xử lý nghiêm đối với các cơ sở hoạt động không phép, biến tướng để hoạt động “tín dụng đen”.

- Tiến hành rà soát, lập danh sách các tổ chức, đối tượng nghi vấn hoạt động “tín dụng đen” để quản lý, theo dõi và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để đấu tranh xử lý.

- Trao đổi thông tin, ứng dụng khoa học công nghệ để phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Đề nghị ba ngành tư pháp các cấp đẩy nhanh tiến độ điều tra, xét xử công khai các vụ án liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, răn đe tội phạm, liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”.

- Tổ Công tác liên ngành tiếp tục tiến hành kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ, dịch vụ cầm đồ có biểu hiện hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn toàn tỉnh để xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến an ninh trật tự và kiến nghị sửa đổi bổ sung những quy định về quản lý Nhà nước chưa phù hợp với thực tế hiện nay.

- Quyết liệt đấu tranh các chuyên án, khẩn trương điều tra, xử lý triệt để, nghiêm minh vụ án liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” và các loại tội phạm phát sinh từ “tín dụng đen”, các loại tội phạm thường có mối quan hệ với hoạt động “tín dụng đen” (cờ bạc, ma túy...) chỉ đạo điều tra mở rộng đối với hành vi rửa tiền trong các vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tăng cường tuyên truyền các vụ án, chuyên án đấu tranh, triệt phá các băng nhóm, đối tượng hoạt động “tín dụng đen” để nâng cao ý thức cảnh giác của người dân đồng thời răn đe, phòng ngừa, trấn áp các đối tượng có ý định phạm tội liên quan đến hoạt động “Tín dụng đen ”./.